



CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

**VINASUN**



**VINASUN**TAXI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**2018**

VINASUN TOWER

# MỤC LỤC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

- 01 THÔNG TIN CHUNG
- 02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
- 03 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- 04 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 05 QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH



## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị

Định hướng phát triển

Các rủi ro



# MISSION

## SỨ MỆNH

Vinasun Corporation sẽ tiếp tục tìm kiếm và tạo ra những giá trị bằng cách cung cấp các dịch vụ khách hàng tốt nhất, thoả mãn khách hàng cao nhất. Thông qua sứ mệnh này, chúng tôi hướng đến sự phát triển, mang đến những lợi ích, ắp ủ sự thành công không những cho những nhà đầu tư, cổ đông, những đối tác mà còn cho toàn bộ những mối quan hệ trong mắc xích giá trị trên toàn thế giới.

## GIÁ TRỊ CỦA CHÚNG TÔI

Mong muốn của chúng tôi là mang lại cho khách hàng các dịch vụ tốt nhất và hoàn hảo nhất. Đối với cán bộ công nhân viên mỗi thành viên trong công ty là một giá trị và Vinasun Corporation là môi trường để gia tăng giá trị. Chất lượng của Chúng tôi là luôn hướng tới sự tin tưởng và tin yêu của khách hàng. Lợi nhuận và sự phát triển của Chúng tôi là luôn cố gắng thoả mãn các yêu cầu và mong đợi của khách hàng, nhân viên và các cổ đông.

# VISION

## TÂM NHÌN

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Vinasun Corporation đã xác định con đường phát triển của mình dựa trên sự hợp tác vững mạnh, dài lâu và bền vững, cộng với trí tuệ của bộ máy điều hành là nền tảng của hệ thống. Đây là những yếu tố cốt lõi để Vinasun Corporation mở rộng phát triển để trở thành tập đoàn hùng mạnh trong tương lai. Ở Vinasun Corporation, chúng tôi sẽ tiếp tục phát triển như là một "công dân" của sự phát triển tốt nhất toàn cầu.



Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Tên tiếng Anh : VIETNAM SUN CORPORATION

Giấy CNĐKDN : 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 7 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 07 tháng 05 năm 2018

Vốn điều lệ : 678.591.920.000 VNĐ

Vốn chủ sở hữu : 678.591.920.000 VNĐ

Địa chỉ : 648 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số điện thoại : 028. 38 277 178

Fax : 028. 39 526 410

Website : [www.vinasuncorp.com](http://www.vinasuncorp.com)

Mã cổ phiếu : VNS

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH



Tiền thân của Công ty là Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Lữ hành Tư Vấn Đầu Tư Ánh Dương Việt Nam, được thành lập vào ngày 15/6/1995, với vốn điều lệ là 300 triệu đồng.

Ngày 27/01/2003, hoạt động kinh doanh Taxi được chính thức đưa vào hoạt động với thương hiệu TAXI VINASUN với số lượng xe ban đầu là 27 chiếc. Ngày 17/7/2003, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam với vốn điều lệ là 8 tỷ đồng.

Ngày 25/5/2006, Công ty tăng vốn điều lệ lên 16 tỷ đồng để đầu tư thêm xe mới cho hoạt động dịch vụ Taxi. Số lượng xe cuối năm 2006 đã tăng lên 1.085 chiếc.

Tháng 2/2007, Công ty phát hành thêm 84 tỷ đồng mệnh giá để tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng. Tháng 10/2007, Công ty phát hành thêm 70 tỷ đồng mệnh giá cho các nhà đầu tư lớn, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100 tỷ lên 170 tỷ đồng

1995

2003

2006

2007

Tháng 6/2013, Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 404.998.180.000 đồng. Tháng 12/2013, Công ty phát hành thêm 30 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 434.998.180.000 đồng. Đến 31/12/2013: Vốn điều lệ của Công ty là 434.998.180.000 đồng.

Năm 2011 và 2012, Công ty đã tiến hành trang bị hệ thống thanh toán online trên xe và tiếp tục phát triển đầu xe tại các địa bàn kinh doanh. Số xe cuối năm 2012 đã tăng lên 4.622 chiếc.

Tháng 7/2010, Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 299.999.970.000 đồng thông qua việc phát hành 9.999.997 cổ phiếu thưởng. Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động của mình tại Vũng Tàu và Đà Nẵng và tập trung phát triển đầu xe, nâng số xe cuối năm lên 4.040 chiếc

Năm 2009: Công ty đã thay đổi Logo, nhãn hiệu nhận diện và mẫu xe mới, số xe cuối năm đã tăng lên 2.845 chiếc. Đến 31/12/2013: Vốn điều lệ của Công ty là 434.998.180.000 đồng.

Ngày 29/7/2008, Công ty chính thức niêm yết 17 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán TP HCM với mã Chứng khoán là VNS.

2013

2011

2010

2009

2008

Tháng 6/2014, Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 565.495.160.000 đồng, Công ty cũng đã mở rộng ra thị trường Nha Trang trong năm.

Tháng 6/2015, Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 678.591.920.000 đồng. Từ 27 chiếc xe Taxi ban đầu vào năm 2003, sau hơn 12 năm hoạt động đến cuối năm 2015, Công ty đã phát triển đội xe của mình lên 6.141 chiếc.

Triển khai đồng loạt các địa bàn kinh doanh mới: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Thuận, Kiên Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Bình Phước, Cần Thơ, Thừa Thiên Huế. Thực hiện mô hình nhượng quyền.

Triển khai đồng loạt các địa bàn kinh doanh mới : Đắk Lắk, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Tây Ninh. Thực hiện mô hình hợp tác kinh doanh.

2014

2015

2017

2018





- Các lĩnh vực hoạt động trong năm 2018 của Công ty bao gồm:
- Kinh doanh vận tải bằng xe Taxi : Thương hiệu VINASUN TAXI.
  - Kinh doanh du lịch, xe hợp đồng dịch vụ vé máy bay: Thương hiệu VINASUN TRAVEL.
  - Các hoạt động khác



Các thị trường mà Vinasun đang hoạt động hiện nay là: Thành Phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Vũng Tàu, Nha Trang, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Phú Yên, Kiên Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Bình Phước, Cần Thơ, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Tây Ninh.





CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY:

- Công ty cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam (Vinasun Green) tại Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ: 40 tỷ (Vinasun Corp: 90%).
- Kinh doanh chính: Dịch vụ Taxi.

CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY:

- 8 Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Vũng Tàu.
- Chi nhánh Bình Dương.
- Chi nhánh Đồng Nai.
- Chi nhánh Khánh Hòa.
- Chi nhánh Quảng Ngãi.
- Chi nhánh Bình Thuận
- Chi nhánh Cà Mau
- Chi nhánh Hậu Giang
- Chi nhánh Sóc Trăng
- Chi nhánh Kiên Giang
- Chi nhánh Cần Thơ
- Chi nhánh An Giang
- Chi nhánh Vĩnh Long
- Chi nhánh Đồng Tháp
- Chi nhánh Phú Yên
- Chi nhánh Bình Phước
- Chi nhánh Bạc Liêu
- Chi nhánh Tây Ninh
- Chi nhánh Đaklak

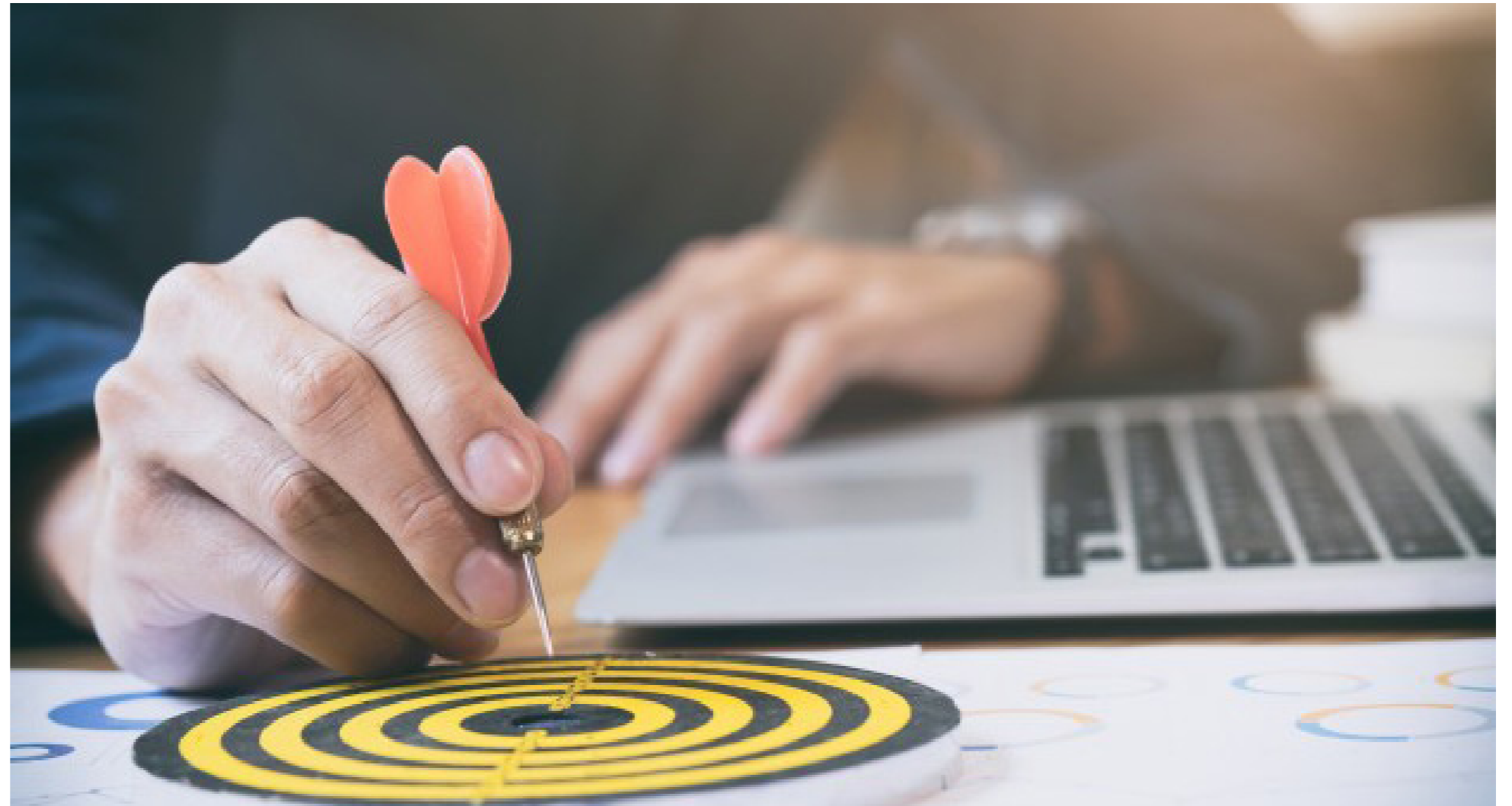


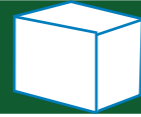
Tập trung vào ngành nghề chính:

- Dịch vụ vận tải Taxi, du lịch.
- Trở thành Hãng Taxi hàng đầu của Việt Nam trong tương lai.
- Củng cố, giữ vững và gia tăng thị phần tại các địa bàn kinh doanh sẵn có.
- Tái cấu trúc công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả đảm bảo khả năng cơ động trong việc đa dạng hóa các loại hình kinh doanh và phương thức kinh doanh.
- Mở rộng và phát triển địa bàn kinh doanh trên cả nước khi chuẩn bị đầy đủ các điều kiện và khi nền kinh tế đã phục hồi và phát triển.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ: Thường xuyên thay thế xe mới phù hợp với thị hiếu của khách hàng, thiết lập các tiện ích trên xe như LCD, hệ thống thanh toán Online, Áp dụng hệ thống quản lý và điều hành xe thông qua GPS, hệ thống đặt chỗ và điều hành xe tự động thông qua ứng dụng trên smartphone (Vinasun App, hệ thống đặt chỗ qua tổng đài và điều xe qua tin nhắn.

Mở rộng và đa dạng hoá các loại hình kinh doanh: khai thác các dịch vụ vận tải khác: hợp đồng – du lịch.

Xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp: Văn minh – Lịch sự – Chuyên nghiệp





## RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ XĂNG DẦU

Theo kết quả khảo sát của Reuter, giá dầu Brent trong năm 2018 trung bình đạt 71,68 USD/thùng. Tháng 10/2018 giá dầu Brent đạt đỉnh 80 USD. Giá dầu Brent hiện tại ở mức khoảng 60USD/thùng. Định giá giá dầu Brent trong năm 2019 của Bloomberg, JP Morgan và Reuter Polls khoảng 73 -74USD/thùng, có xu hướng tăng nhẹ so với hiện tại và không đạt được đỉnh cũ trong năm 2018. Dự báo này xuất phát từ những lý do:

- Sản lượng xuất khẩu của Iran không giảm đáng kể do lệnh cấm vận của Mỹ vì Mỹ vẫn cho phép một số nước đồng minh tiếp tục nhập khẩu dầu thô từ Iran;
- OPEC và IEA đều giảm dự báo tăng trưởng nhu cầu sử dụng dầu thô trong 2018/2019 do dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại và lo ngại về chiến tranh thương mại;

Dù không tăng mạnh và đạt đỉnh cũ nhưng biến động xăng dầu sẽ ảnh hưởng đến chi phí nhiên liệu của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ taxi. Ngoài ra, khi giá xăng tăng thì gây áp lực tăng giá dịch vụ. Tuy nhiên, việc điều chỉnh giá cước với một hãng taxi lớn như Vinasun là rất tốn kém (xe phải nghỉ một buổi, đến cơ quan chức năng điều chỉnh đồng hồ, thay bảng thông báo giá trên xe). Bên cạnh đó, việc điều chỉnh này có thể làm thay đổi hành vi tiêu dùng của khách hàng của hãng.

## RỦI RO NHÂN SỰ

Về nhân sự năm nay giảm 356 lao động so với năm 2017 Công ty tái cấu trúc lại phòng ban, nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí tiền lương.

Để giữ chân được tài xế trong cuộc cạnh tranh khốc liệt, năm qua Vinasun đã tăng mức chiết khấu và thu nhập.





## RỦI RO PHÁP LUẬT

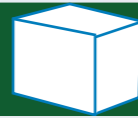
Kinh doanh vận tải hành khách taxi là ngành kinh doanh có điều kiện nên phải chịu sự quản lý chặt chẽ của nhà nước như Nghị định 86/2014/NĐ-CP; Nghị định 46/2016 NĐ-CP,... Ngoài việc đăng ký kinh doanh vận tải hành khách thì các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ taxi phải gắn phù hiệu, hộp đèn, đồng hồ tính tiền cước,... Thêm vào đó, công ty cũng chịu ảnh hưởng của Luật Môi trường do lượng khí xe thải ra.

Do vậy, Công ty đã luôn chủ động cập nhật quy định luật pháp, hoàn thiện hệ thống quản lý và từ đó đưa ra các kế hoạch phù hợp và hạn chế các tác động tiêu cực đến sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

## RỦI RO KHÁC

Ngành nghề kinh doanh chính là dịch vụ vận tải hành khách taxi theo phương thức tư doanh, Công ty còn có phương thức: nhượng quyền khai thác thương mại, hợp tác kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi cho nên rủi ro của hai phương thức này đến từ đối tác tự hủy ngang hợp đồng và cơ chế quản lý đối tác.

Để giảm trường hợp bị hủy ngang hợp đồng Công ty thường sử dụng các biện pháp như phải cọc tiền trước, yêu cầu mức phí phạt cao khi hủy ngang hợp đồng, v.v... Ngoài ra, Công ty còn chịu các rủi ro khác như hỏa hoạn, cháy nổ, v.v... đây là những tai nạn bất khả kháng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của công ty. Theo đó, để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp bảo hộ an toàn trong lao động; an toàn về PCCC và mua bảo hiểm cho tất cả tài sản, con người của Công ty cũng như tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các đối tác để có thu nhập ổn định.



## RỦI RO CẠNH TRANH

Trong khoảng 03 năm trở lại đây, cạnh tranh trong ngành vận tải hành khách (taxi) ngày càng mạnh mẽ. Hiện nay, không chỉ một mà xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực taxi công nghệ tại Việt Nam. Điều này càng làm thu hẹp thị phần của các doanh nghiệp taxi chính thống, điển hình như VinaSun và các công ty kinh doanh dịch vụ taxi chính thống khác.

Ý thức được môi trường kinh doanh đang thay đổi Công ty đã thực hiện các biện pháp như cập nhật ứng dụng Vinasun App cho phép người sử dụng biết trước được giá cước vận chuyển, thực hiện chương trình giảm giá cước như “Nhận mã bất ngờ - Giảm ngay cước phí”. Ngoài ra, Công ty cũng tìm kiếm thị trường mới ở các tỉnh khác như việc mở thêm nhiều chi nhánh tại các tỉnh, cũng như sự có mặt của Vinasun tại 23 tỉnh thành đã giúp Công ty gia tăng được lượng khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang phát triển ứng dụng đặt xe Vcar (bao gồm các xe sang trọng như Lexus, Land Cruiser, Camry, Fortuner, v.v...) với cước phí phù hợp như các dòng xe Camry, Fortuner đời mới sang trọng lại có cước phí bằng với cước phí taxi để có thể cạnh tranh được với các hãng xe taxi khác.



## RỦI RO SẢN PHẨM THAY THẾ

Mật độ phương tiện giao thông ngày càng gia tăng trong khi cơ sở hạ tầng còn khá nhiều hạn chế nên việc Chính phủ quyết định đầu tư vào hệ thống giao thông công cộng là một điều tất yếu. Với nhiều kế hoạch được đưa ra như xe buýt đường sông, xe buýt nhanh (BRT), và đặc biệt là dự án lớn tàu điện ngầm Metro từ Bến Thành đến Suối Tiên. Hiện tại dự án tàu điện ngầm Metro đang trong giai đoạn thi công nhưng gặp phải nhiều bất cập như thiếu vốn, giải tỏa mặt bằng,... Theo đó, dự kiến đến 2020 tuyến tàu điện ngầm này vẫn chưa đi vào khai thác hoạt động.

Đây là một rủi ro tiềm ẩn cho các doanh nghiệp taxi truyền thống vì khu vực Bến Thành tập trung các nhà hàng, khách sạn, nhân viên văn phòng – những đối tượng có nhu cầu sử dụng dịch vụ taxi đi lại cao. Để giảm thiểu những tác động đó Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp như thay đổi các phương tiện đã cũ, gia tăng chất lượng dịch vụ vận tải, v.v...





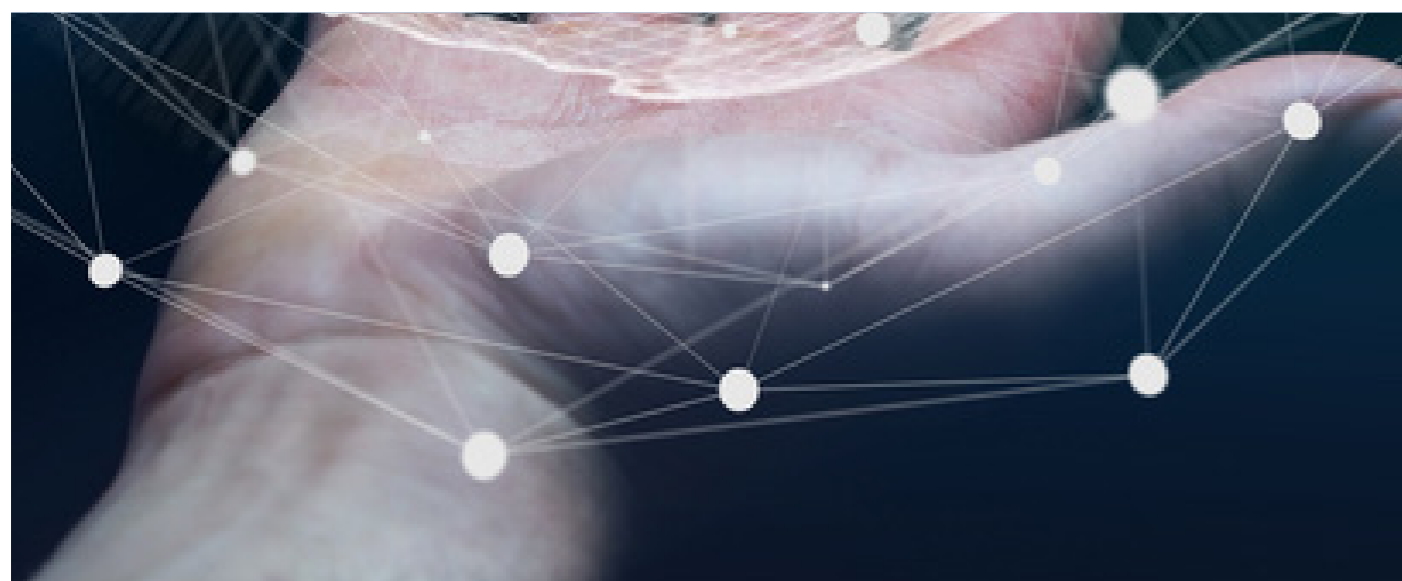
## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2018, kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định, GDP tăng qua các quý và tăng 7,08% so với 2017. Cùng với đó là xu hướng hội nhập sâu rộng của Việt Nam những năm qua đã thúc đẩy kinh tế tăng trưởng. Nhu cầu di chuyển của người dân luôn tăng theo quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Ngoài ra, tăng trưởng khách du lịch của các thành phố du lịch như TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu (những địa bàn hoạt động chính của Vinasun) năm qua đều tăng trưởng tốt. Đây là cơ hội và cũng là thách thức cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là ngành vận tải taxi và du lịch.

Về phía Công ty với những ưu thế về uy tín lâu năm, chất lượng dịch vụ v.v... đã tận dụng tốt cơ hội này. Cụ thể, Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 2.279.39 tỷ đồng, đạt 105,52% so với kế hoạch 2018.



Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% Thực hiện so với kế hoạch 2018	% tăng giảm so với 2017
Tổng doanh thu và thu nhập khác	3.226,76	2.160	2.279,39	70,64%	105,52%
Lợi nhuận sau thuế	191,49	95,2	89,08	46,52%	93,57%



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Năm 2018, Công ty đã tiếp tục công tác hoàn thiện và bổ sung các tiện ích cho phần mềm Vinasun App cũng như hệ thống tổng đài thông minh. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh hoạt động của dòng xe V-car. Cụ thể, tình hình đầu tư xe của Công ty trong năm qua như sau:

Loại xe	Số xe sở hữu đến 31/12/2017	Đầu tư trong năm 2018	Thanh lý trong năm	% Thực hiện so với kế hoạch 2018
4 chỗ	2.184	423	249	2.358
7 chỗ	3.651	337	537	3.451
Tổng cộng	5.835	760	786	5.809
Trong đó:				
Công ty mẹ	5.438	700	734	5.404
Công ty con	397	60	52	405





Cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Thành viên HĐQT	Chức Vụ
02	Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị
03	Ông Trần Văn Bắc	Thành viên HĐQT
04	Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên HĐQT
05	Bà Đặng Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT
06	Ông Trương Đình Quý	Thành viên HĐQT
07	Ông Trần Anh Minh	Thành viên HĐQT
08	Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT

Ông Đặng Phước Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị

<b>Năm sinh</b>	1957
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân sinh hóa
<b>Chức vụ tại tổ chức khác</b>	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mê Kông.
<b>Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện</b>	Sở hữu cá nhân: 16.907.888 cổ phiếu

Bà ĐẶNG THỊ LAN PHƯƠNG - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

<b>Năm sinh</b>	1969
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Trung cấp TCKT
<b>Chức vụ tại tổ chức khác</b>	Không có
<b>Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện</b>	Sở hữu cá nhân: 15.794 cổ phiếu

Ông TRƯƠNG ĐÌNH QUÝ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Quản lý Chất lượng

<b>Năm sinh</b>	1959
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Thạc sỹ Khoa học Giáo dục - Cử nhân Luật
<b>Chức vụ tại tổ chức khác</b>	Phó Chủ tịch Hiệp Hội Doanh Nghiệp Tp.HCM
<b>Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện</b>	Sở hữu cá nhân: 6.318 cổ phiếu

Ông TRẦN VĂN BẮC - Thành viên Hội đồng quản trị

<b>Năm sinh</b>	1958
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân chính trị
<b>Chức vụ tại tổ chức khác</b>	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV (Satra)
<b>Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện</b>	Sở hữu đại diện: Đại diện cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV (Satra): 5.370.300 cổ phiếu





**Ông TRẦN ANH MINH – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Kế hoạch Đầu tư**

<b>Năm sinh</b>	1965
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân Tài chính
<b>Chức vụ tại tổ chức khác</b>	Không có
<b>Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện</b>	Sở hữu cá nhân: 15.794 cổ phiếu

**BÀ HUỖNH THANH BÌNH MINH – Thành viên Hội đồng quản trị**

<b>Năm sinh</b>	1983
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Thạc sĩ kinh tế
<b>Chức vụ tại tổ chức khác</b>	Giám đốc đầu tư Quỹ đầu tư Tael Two Partners
<b>Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện</b>	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00% VDL

**Ông TẠ LONG HẪY – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Taxi**

<b>Năm sinh</b>	1951
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cao học Luật
<b>Chức vụ tại tổ chức khác</b>	Giám đốc đầu tư Quỹ đầu tư Tael Two Partners
<b>Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện</b>	Sở hữu cá nhân: 3.158 cổ phiếu

**Ông HUỖNH VĂN SĨ – Phó Tổng Giám đốc Tổ chức Hành Chính**

<b>Năm sinh</b>	1957
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Trung cấp kinh tế
<b>Chức vụ tại tổ chức khác</b>	Không có
<b>Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện</b>	Sở hữu cá nhân: 15.794 cổ phiếu

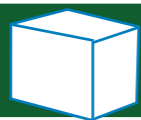
**Ông ĐẶNG THÀNH DUY- Phó Tổng Giám đốc Đối Ngoại và Phát triển**

<b>Năm sinh</b>	1984
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân kinh tế
<b>Chức vụ tại tổ chức khác</b>	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh (Vinasun Green)
<b>Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện</b>	Sở hữu cá nhân: 5.409.300 cổ phiếu

**Ông NGUYỄN BẢO TOÀN – Phó Tổng Giám đốc Đối Ngoại và Phát triển**

<b>Năm sinh</b>	1976
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân kinh tế
<b>Chức vụ tại tổ chức khác</b>	Không có
<b>Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện</b>	Sở hữu cá nhân: 7 cổ phần – tỷ lệ 0,00% VDL

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



**Ông NGUYỄN TRỌNG DUY - Phó Tổng Giám đốc Điều hành Taxi**

**Năm sinh** 1965

**Trình độ chuyên môn** Cử nhân kinh tế

**Chức vụ tại tổ chức khác** Không có

**Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện** Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - tỷ lệ 0,00% VDL

**BÀ NGUYỄN THỊ ĐĂNG THỤ - Phó Tổng Giám đốc Tổng đài**

**Năm sinh** 1974

**Trình độ chuyên môn** Lớp 12

**Chức vụ tại tổ chức khác** Không có

**Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện** Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - tỷ lệ 0,00% VDL

**BÀ ĐẶNG PHƯỚC HOÀNG MAI- Phó Tổng Giám đốc Trung tâm Du Lịch**

**Năm sinh** 1974

**Trình độ chuyên môn** Cử nhân kinh tế Ngoại thương, Thạc sĩ Luật.

**Chức vụ tại tổ chức khác** Không có

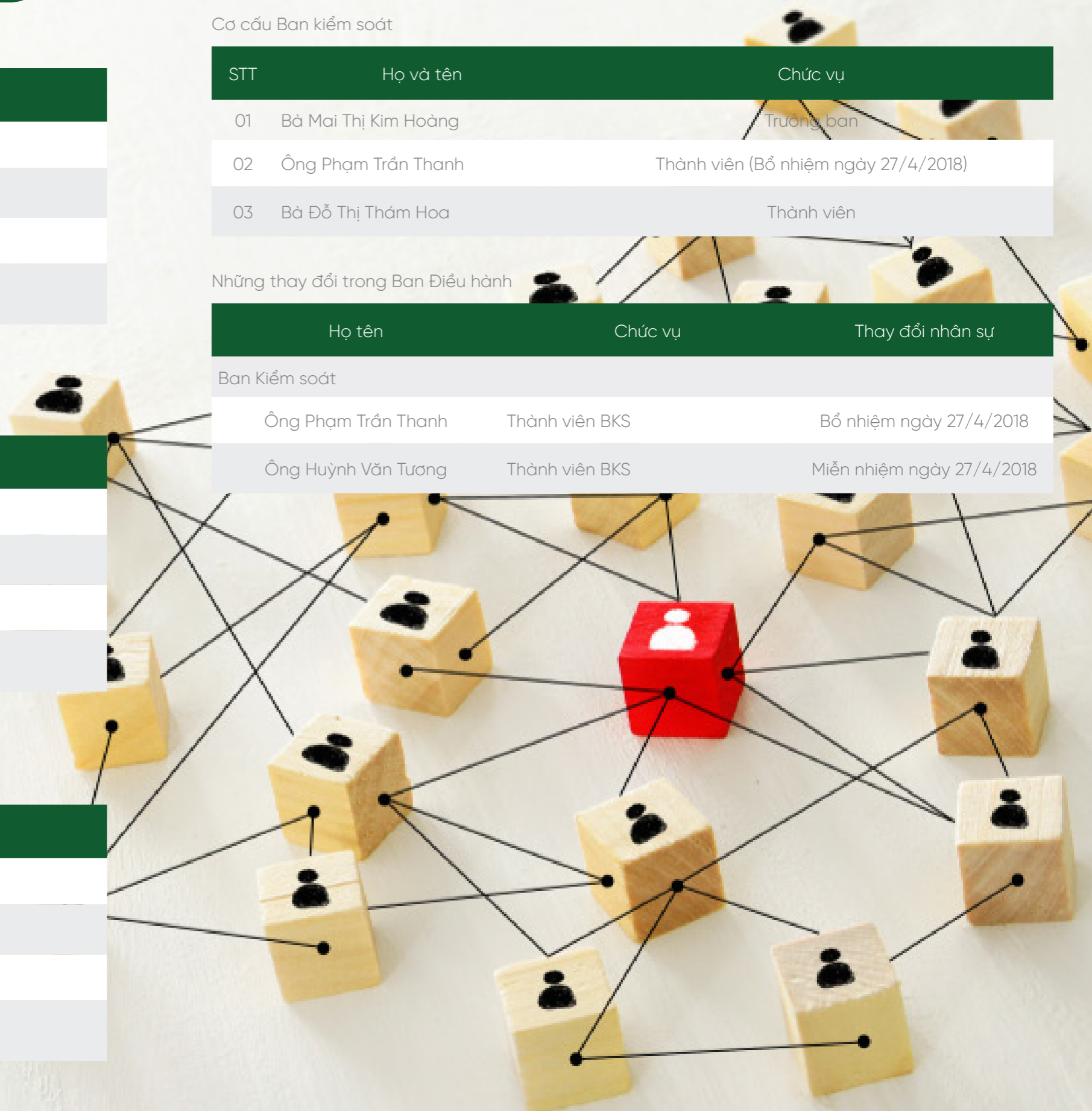
**Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện** Sở hữu cá nhân: 3.883 cổ phiếu

## Cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Bà Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng ban
02	Ông Phạm Trần Thanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/4/2018)
03	Bà Đỗ Thị Thám Hoa	Thành viên

## Những thay đổi trong Ban Điều hành

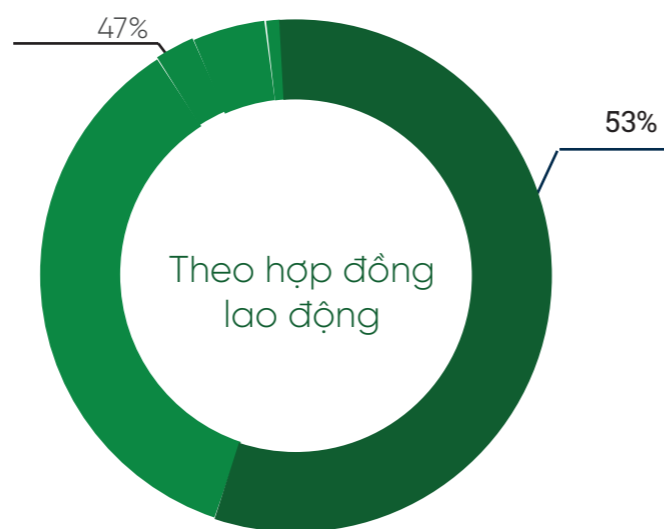
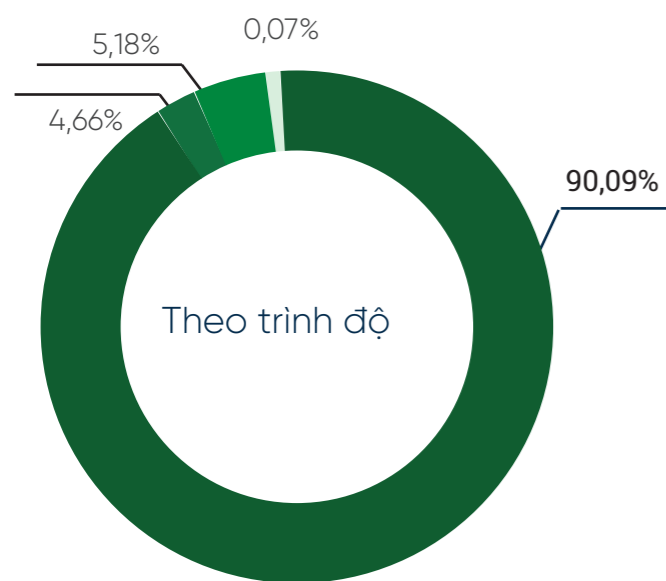
Họ tên	Chức vụ	Thay đổi nhân sự
Ban Kiểm soát		
Ông Phạm Trần Thanh	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 27/4/2018
Ông Huỳnh Văn Tương	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 27/4/2018





## Cơ cấu người lao động

Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng
<b>Theo trình độ</b>	<b>6.761</b>	
Trên Đại học	5	0,07%
Đại học	350	5,18%
Cao đẳng	315	4,66%
Khác	6.091	90,09%
<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>6.761</b>	
Hợp đồng có xác định thời hạn	3.583	53%
Hợp đồng không xác định thời hạn	3.178	47%



- Khác
- Đại học
- Trên Đại học
- Cao đẳng

- Hợp đồng có xác định thời hạn
- Hợp đồng không xác định thời hạn





**Chính sách đối với người lao động**

Chính sách phúc lợi

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về chế độ làm việc. Công ty ký kết HĐLĐ và đóng bảo hiểm xã hội cho tất cả người lao động, đạt 100% lao động đã qua thử việc và học nghề. Luôn duy trì các hoạt động thi đua, khen thưởng hàng tháng nhằm khuyến khích động viên người lao động đạt năng suất, chất lượng hàng ngày, hoạt động này là một trong những biện pháp thúc đẩy sản xuất phát triển.

Hàng năm người lao động được đào tạo thi nâng bậc kỹ thuật và nâng lương. Đây là chính sách giúp cho người lao động có điều kiện rèn luyện nâng cao tay nghề. Các chế độ phép, nghỉ mát, bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ốm đau, thai sản, hưu trí, tử tuất,... thực hiện đúng theo quy định của nhà nước. Ngoài ra người lao động còn có chế độ trợ cấp đột xuất, ốm đau, tai nạn, hiếu hỷ, phúng viếng... theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

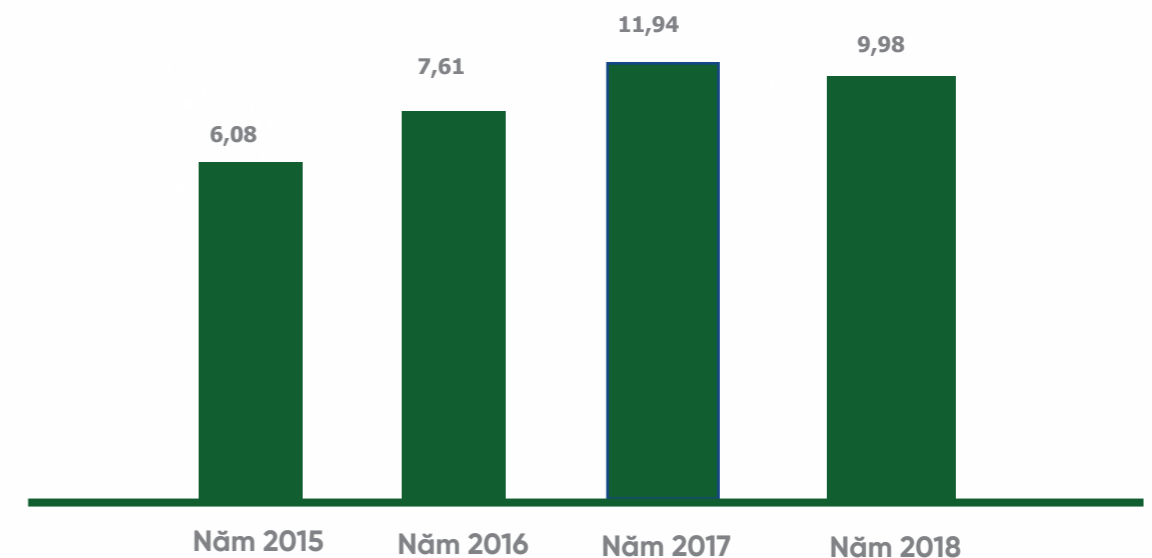
Mức tiền lương bình quân của NLD qua các năm:

STT	Năm	Mức lương bình quân (triệu đồng/ người /tháng)
1	2015	6,08
2	2016	7,61
3	2017	11,94
4	2018	9,98

Chính sách lương, thưởng

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua luôn diễn ra liên tục và ổn định, Công ty luôn đảm bảo về các chính sách trả lương cho CBNV đúng thời hạn. Ngoài ra để khích lệ, động viên và tưởng thưởng xứng đáng cho những nhân viên đóng góp vào sự phát triển của Công ty, VNS đã đưa ra nhiều chính sách khen thưởng phong phú.

Tiền lương được trả theo sản phẩm và đảm bảo cao hơn mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định.



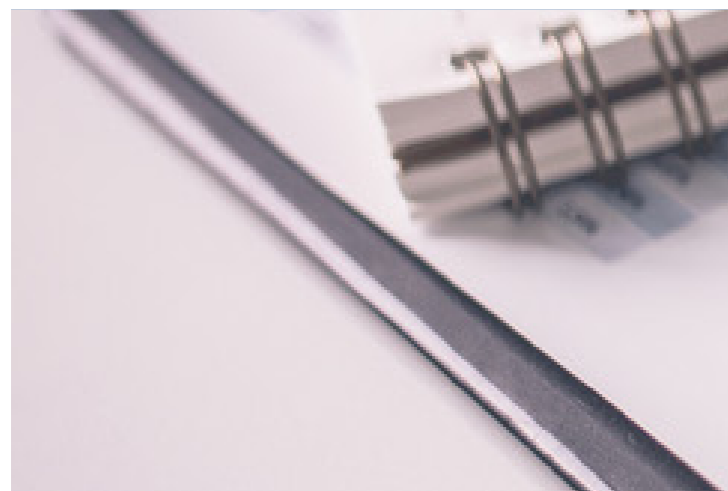
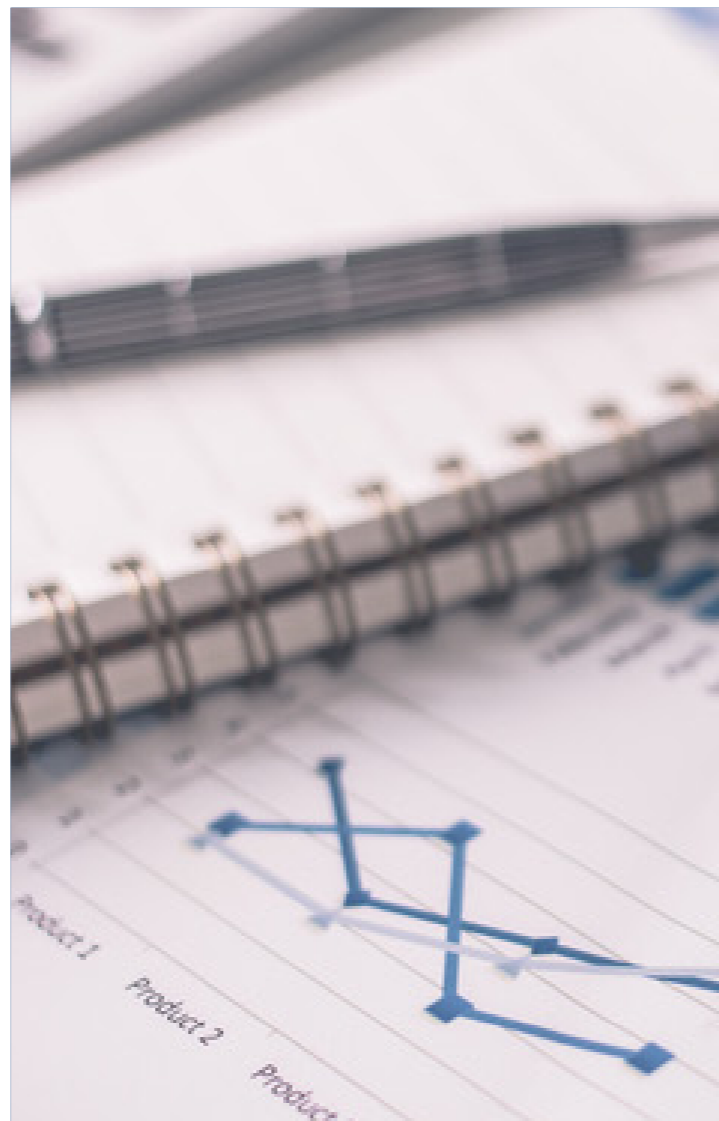


## Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng tài sản	Triệu đồng	2.720.305	2.816.251	-3,4%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.073.349	2.937.067	-29,4%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	10.024	36.283	-72,4%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	105.227	208.699	-49,58%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	115.252	244.982	-53,0%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	89.083	191.496	-53,5%
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	%	1.279	2.763	-53,71%

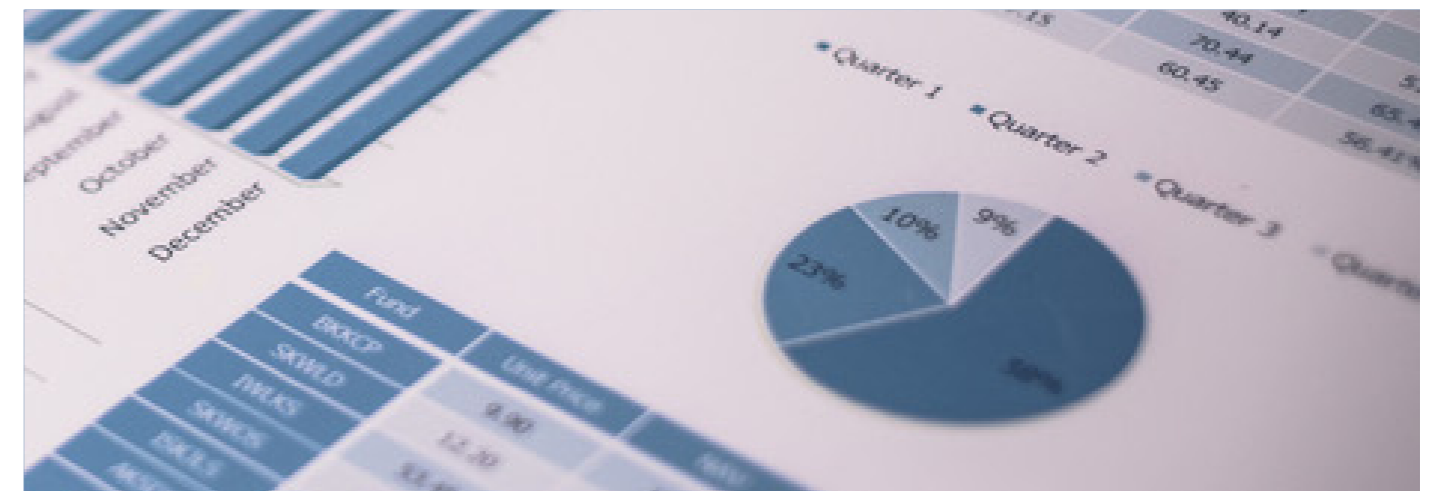
Doanh thu thuần trong năm 2018 đạt 2.073.349 triệu đồng giảm 29,4% so với cùng kỳ. Trong đó doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi đạt 1.777.163 triệu đồng, kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng đạt 271.623 triệu đồng giảm lần lượt so với năm trước là 32,52% và 2,5%. Nguyên nhân doanh thu trong năm giảm là do sự cạnh tranh gay gắt của các hãng xe công nghệ với các chính sách khuyến mãi, tài trợ cho chủ xe, lái xe...

Thêm vào đó trong năm giá xăng dầu có nhiều biến động tăng từ tháng 1 đến tháng 10 trong năm, làm tăng chi phí của Công ty dẫn đến các chỉ tiêu lợi nhuận trong năm giảm so với năm ngoái.



## Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017
01	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,6	0,51
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,57	0,48
02	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ phi trả/ Tổng tài sản	%	38,97	41,71
	Hệ số Nợ /Vốn chủ sở hữu	%	63,84	71,56
03	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	89,67	163,23
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,76	1,04
04	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	4,30	6,46
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	5,37	11,83
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,48	1,24
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,23	6,7



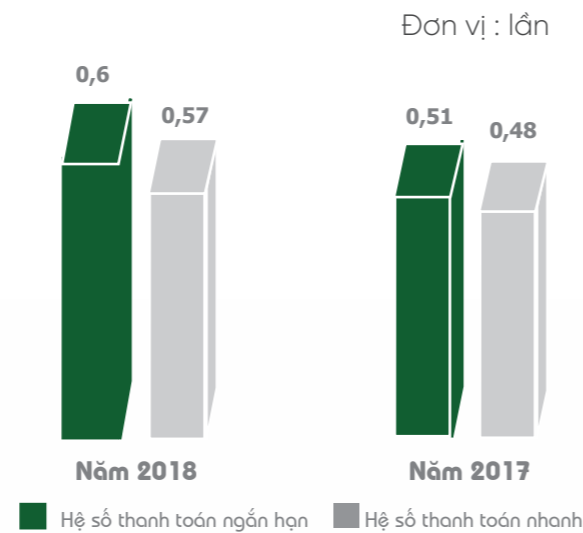


## HỆ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm 2018, các hệ số khả năng thanh toán của Công ty đều tăng so với năm 2017: chỉ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,51 lên 0,6 lần và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,48 lần lên 0,57 lần.

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh tăng do nợ ngắn hạn giảm, cụ thể nợ ngắn hạn đạt 530 tỷ đồng giảm 13,88%. Trong năm, Công ty đã thanh toán tiền mua xe cho Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn và các khoản vay đến hạn trả.

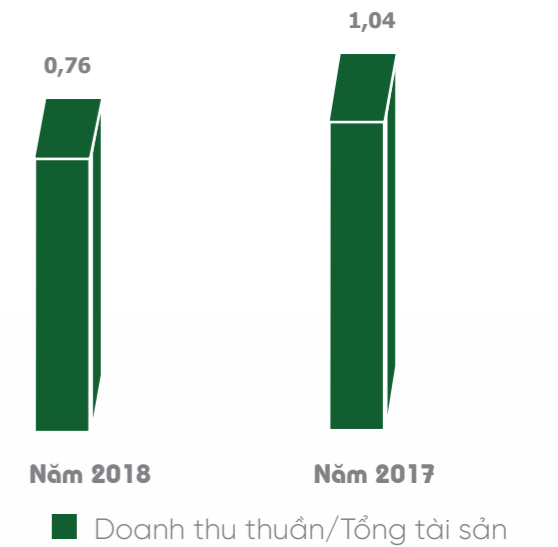


## HỆ SỐ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị : vòng

### Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động

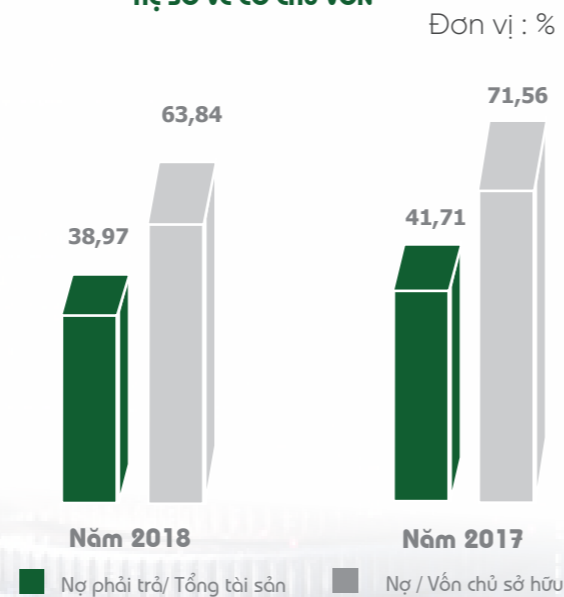
Vòng quay tài sản cũng giảm nhẹ từ 1,04 vòng còn 0,76 vòng. Nguyên nhân, là do sự cạnh tranh gay gắt của các hãng xe công nghệ với các chính sách khuyến mãi, tài trợ cho chủ xe, lái xe... Theo đó, doanh thu trong năm của Công ty đạt 2.073.349 triệu đồng giảm 29,4% so với năm 2017, doanh thu giảm khiến chỉ số vòng quay tài sản giảm.



## HỆ SỐ VỀ CƠ CẤU VỐN

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Nhìn chung, trong năm 2018 các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty giảm so với năm 2017. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản là 38,97% và Nợ/Vốn chủ sở hữu là 63,84%. Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm do nợ ngắn hạn giảm 13,88% và tài sản giảm 3,41%. Trong năm Công ty thanh lý xe làm tài sản cố định giảm, cụ thể giảm 3,77% so với cùng kỳ năm trước. Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm chủ yếu do nợ ngắn hạn giảm.

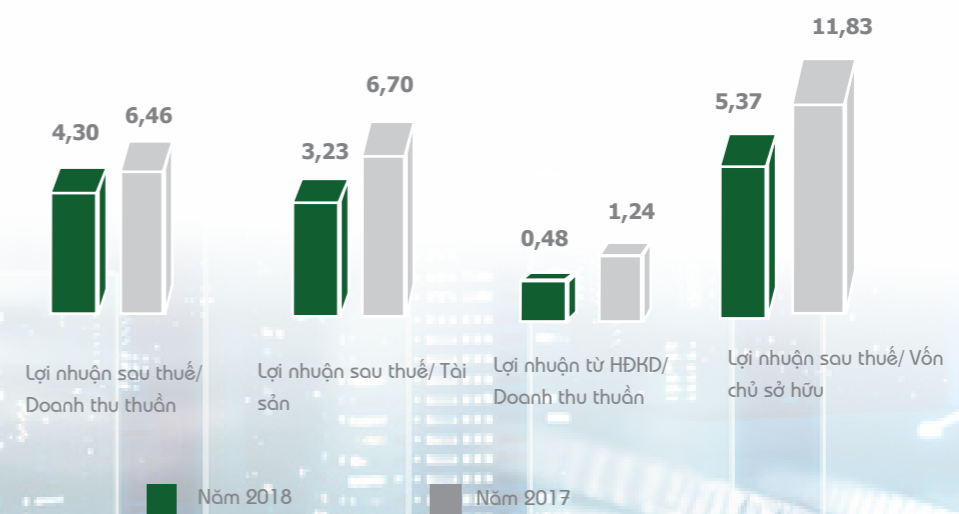


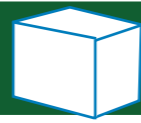
### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2018, chỉ tiêu khả năng sinh lời có xu hướng giảm so với năm 2017. Các chỉ tiêu khả năng sinh lời của Công ty không quá hấp dẫn do Lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm, cụ thể đạt 89.083 triệu đồng giảm 53,5% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt, để có thể giữ vững thị phần Công ty đã thực hiện nhiều chính sách khuyến mãi, giảm giá cho khách hàng. Thêm vào đó trong năm giá xăng dầu tăng cao ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

## HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

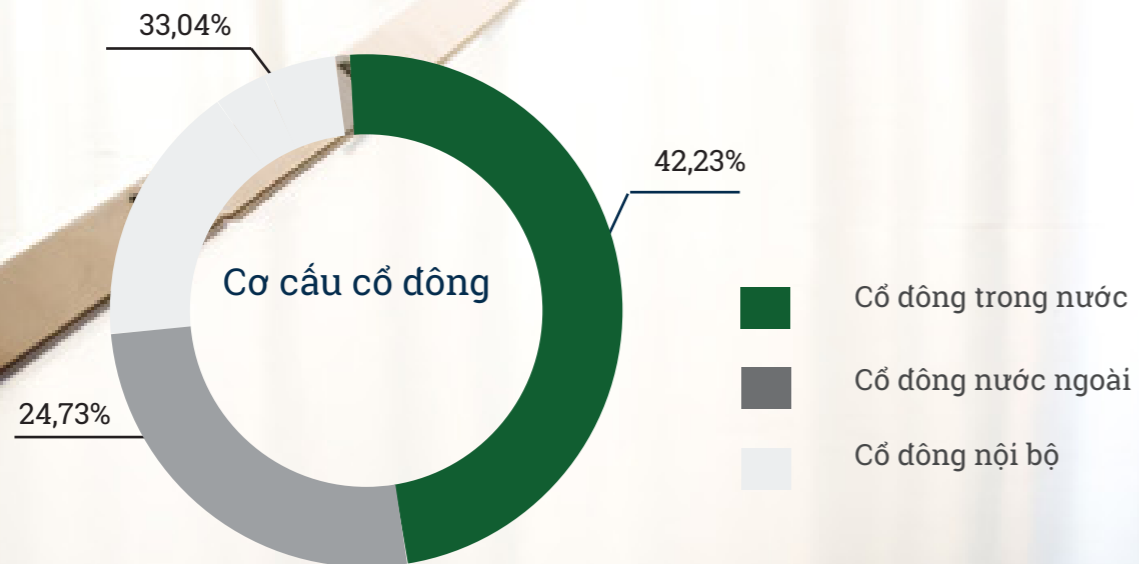
Đơn vị : %





## Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Nhà nước	-	
2	Cổ đông nội bộ	11	33,04%
2.1	Cổ đông trong nước		
	Tổ chức	24	21,30%
	Cá nhân	927	20,93%
2.2	Cổ đông nước ngoài		
	Tổ chức	26	24,41%
	Cá nhân	63	0,32%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.051</b>	<b>100%</b>



## Cơ cấu cổ phần

Chỉ tiêu	Loại cổ đông
Tổng số lượng CP	67.859.192 cổ phần
Loại CP đang lưu hành	cổ phần thường
Số lượng CP đang lưu hành	67.859.192 cổ phần
Số lượng CP cổ phiếu quỹ	không có
Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng	không có

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có



**Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Công ty nhận thức việc đóng góp vào xã hội và cộng đồng là một yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty. Hàng năm Công ty trích một phần kinh phí từ quỹ phúc lợi và vận động toàn thể CBCNV trích một khoản tiền lương để lập quỹ ủng hộ cho công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ quỹ vì người nghèo vùng bị bão lũ..vv.

**Chính sách liên quan đến người lao động**

Công ty luôn chú trọng đến đời sống cũng như hoàn cảnh của người lao động trong Công ty, qua đó thực hiện các chính sách hỗ trợ, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động có thể yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với Công ty.

Chính sách lương, thưởng cho người lao động: Để thúc đẩy tinh thần làm việc, phát huy khả năng sáng tạo và sự nỗ lực của nhân viên, Công ty xây dựng chính sách lương thưởng công bằng dựa trên các tiêu chí: năng lực, hiệu quả công việc, mức độ đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty. Mọi chế độ phúc lợi, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đều được Công ty thực hiện theo quy định hiện hành của Pháp luật về lao động





## Môi trường – năng lượng

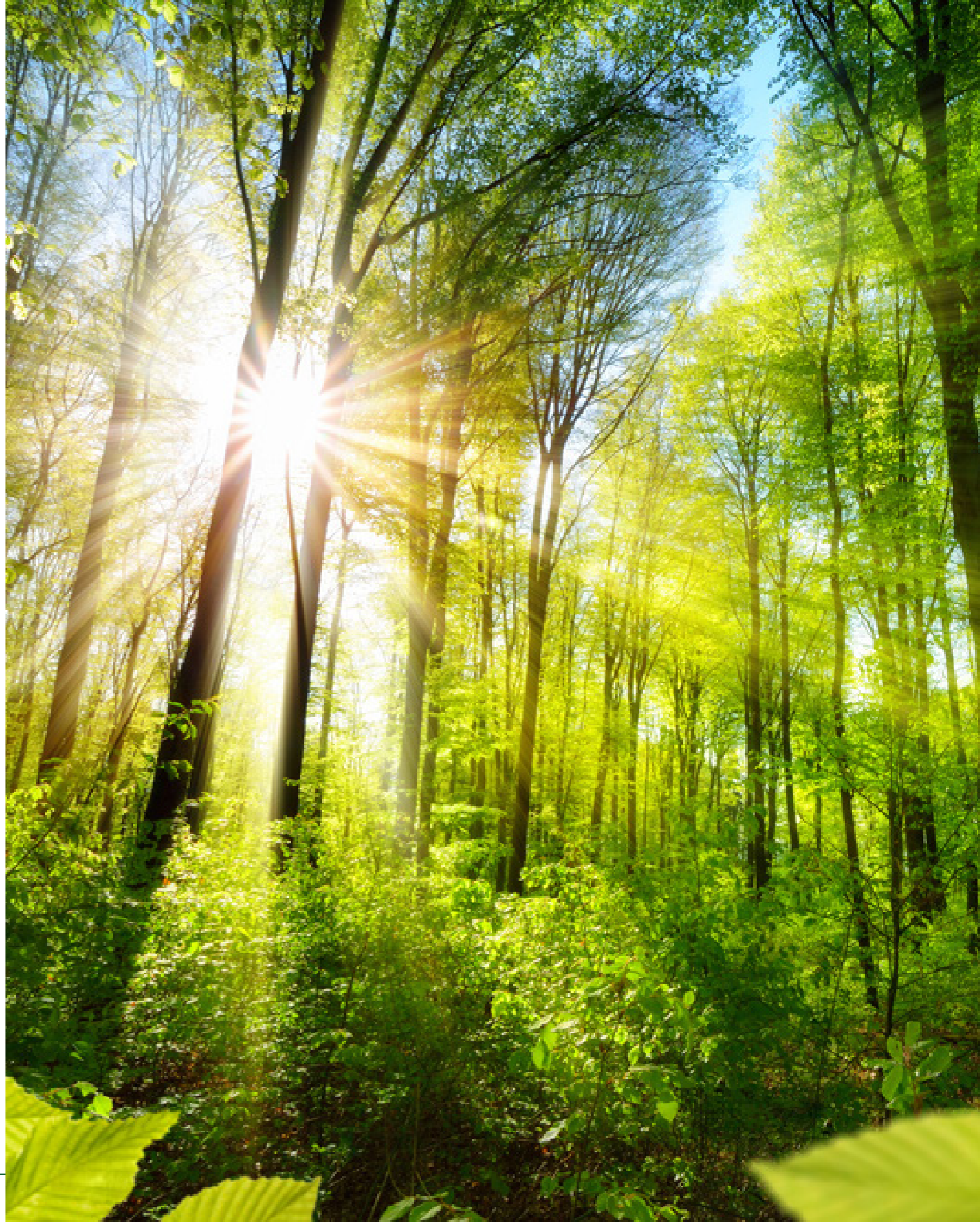
Hiện nay, vấn đề ô nhiễm môi trường đang nhận được rất nhiều sự quan tâm của người dân. Tình trạng quy hoạch các khu đô thị, hình thành và mở rộng các khu công nghiệp chưa gắn liền với vấn đề xử lý chất thải và nước thải,... đã làm ô nhiễm môi trường ở mức báo động.

Theo ước tính Cục bảo vệ Môi trường, trong tổng số 183 khu công nghiệp trong cả nước thì có trên 60% khu công nghiệp chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tại các đô thị, chỉ có khoảng 60% - 70% chất thải rắn được thu gom, cơ sở hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải, chất thải nên chưa thể đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường trong sự nghiệp phát triển bền vững, Công ty luôn ý thức trách nhiệm được trách nhiệm đối môi trường trong quá trình sản xuất thông qua các công tác kiểm tra giám sát, của cơ quan chức năng để sớm có những biện pháp khắc phục kịp thời khi có bất kỳ chỉ tiêu nào vượt mức. Đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm. VNS luôn thực hiện xử lý chất thải công nghiệp theo quy định, tiết kiệm nguồn năng lượng trong sản xuất.

Trong quá trình sản xuất của VNS, việc quản lý nguyên vật liệu là công tác rất cần thiết đối với các doanh nghiệp sản xuất. Trong những năm qua, công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty được đánh giá tốt, các bộ phận nghiệp vụ liên quan đã đạt được sự hiệu quả từ công tác thu mua đến quản lý sử dụng, hạn chế được sự thất thoát và tiết kiệm chi phí hoạt động.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, nguồn năng lượng mà công ty sử dụng chủ yếu là điện và nước. Do đó, Công ty đã thực hiện các chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường nhưng vẫn đạt hiệu quả sản xuất. Khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, VNS luôn chú ý để ra các mục tiêu sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng này góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, tiết kiệm chi phí hoạt động. Trong năm công ty không bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.

Chỉ tiêu tiêu thụ năng lượng	Năm 2017	Năm 2018
Số lít xăng bình quân 1 ngày 1 chiếc vinasun 7 chỗ tiêu thụ	27	27
Số lít xăng bình quân 1 ngày 1 chiếc vinasun 4 chỗ tiêu thụ	21	21
Số m <sup>3</sup> nước văn phòng Công ty dùng trong 1 tháng	767	657
Số Kwh điện/tháng phục vụ 24/24 của tổng đài và các bộ phận hỗ trợ	70.000	69.000



## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch hoạt động trong năm 2019

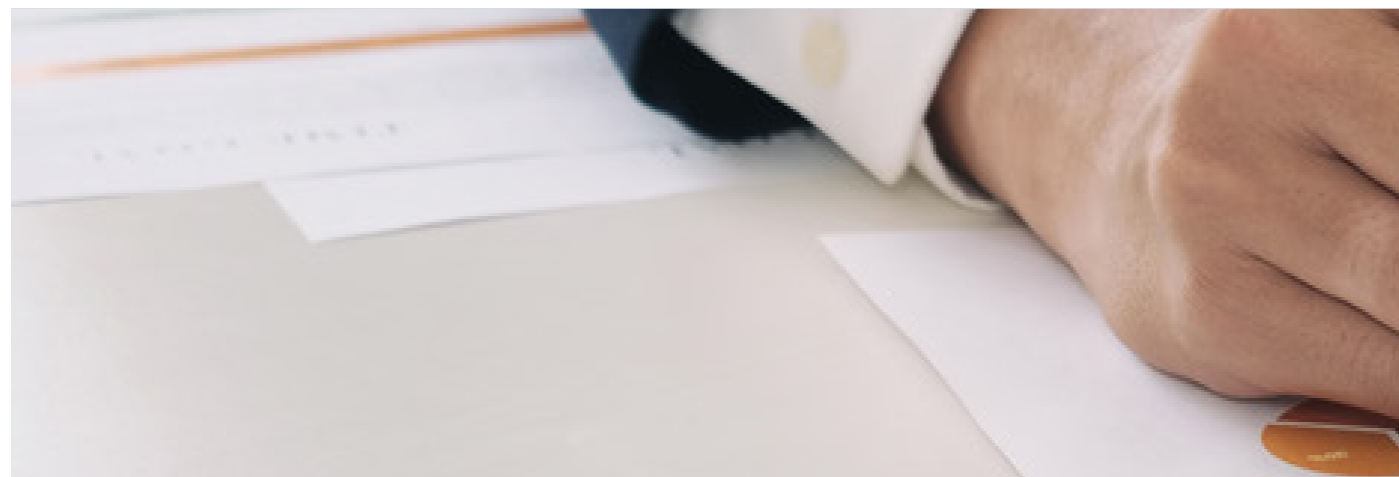
Kế hoạch kinh doanh năm 2018-2020

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



Tổng doanh thu kinh doanh đạt 2.073,34 tỷ, giảm 29,4% so với năm 2017 và đạt 103,67 % so với kế hoạch 2018. Lợi nhuận sau thuế đạt 89,08 tỷ đồng, giảm 53,5 % so với năm 2017 và chỉ đạt 93,57 % so với kế hoạch đề ra. Trong năm Công ty gặp khó khăn, nguyên nhân chủ yếu chính là việc tham gia bất hợp pháp vào thị trường Taxi của các công ty nước ngoài. Các công ty này đã tận dụng kẽ hở của các quy định hiện hành để kinh doanh taxi với số lượng không hạn chế, tận dụng sức mạnh tài chính để định giá cước thấp phi lý, bù lỗ, hỗ trợ cho chủ xe và lái xe, chấp nhận lỗ để tiêu diệt ngành taxi chính thống nhằm mục tiêu khống chế thị phần này và tiến tới độc quyền kinh doanh trong tương lai khi các công ty taxi chính thống bị phá sản.

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện		So sánh thực hiện 2018 với	
		2017	2018	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018
Tổng Doanh thu và thu nhập khác, trong đó:	2.160	3.226,76	2.279,39	70,64%	105,52%
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	2.000	2.937	2.073,34	70,59%	103,66%
(Trong đó : DT của Cty con)	250	244,8	259,5	106,00%	103,8%
Thu nhập khác (thanh lý xe và TN khác)	160	289,76	206,05	71,11%	128,78%
Tổng Lợi nhuận trước thuế	119	244,98	115,25	47 %	96,84 %
LN trước thuế từ hoạt động kinh doanh	47,5	36,28	10,02	27,61%	21,09%
LN trước thuế từ thu nhập khác	71,5	208,7	105,23	50,42%	147,17%
Tổng Lợi nhuận sau thuế	95,2	191,49	89,08	46,52%	93,57%
Số xe đầu tư	700	567	760	134%	108,57%
Số xe thanh lý	662	1.293	786	60,78%	118,73%



Chỉ tiêu	2017		2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Kinh doanh vận tải khách bằng taxi	2.633.542	89,7%	1.777.163	85,7%
Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng	278.582	9,49%	271.623	13,1%
Bất động sản đầu tư				
Khác	24.943	0,85%	24.562	1,18%
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.937.067</b>	<b>100%</b>	<b>2.073.349</b>	<b>100%</b>





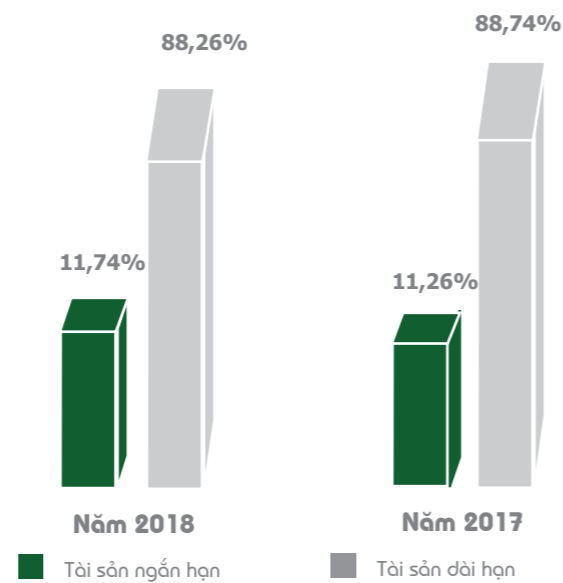
Đơn vị : triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2017	So sánh với cùng kỳ
1 Tài sản ngắn hạn	319,31	316,98	0,7 %
2 Tài sản dài hạn	2.400,99	2.499,27	(3,9%)
3 Tài sản cố định	2.336,38	2.427,77	(3,8%)
4 Bất động sản đầu tư	-	-	-
5 Đầu tư Tài chính	-	-	-
6 Tài sản dài hạn khác	64,61	71,5	(9,6%)
Tổng Tài sản	2.720,30	2.816,25	(3,4%)

Đến 31/12/2018, Tổng tài sản của Công ty là 2.720,30 tỷ đồng, giảm 3,4% so với cuối năm 2017. Trong đó, Tài sản dài hạn là 2.400,99 tỷ, chiếm 88,3% Tổng Tài sản, bao gồm các Tài sản trọng yếu:

- 5.809 xe Toyota Kinh doanh taxi và hợp đồng
- Các xe kinh doanh du lịch và văn phòng
- Các tài sản văn phòng và xưởng sửa chữa khác.

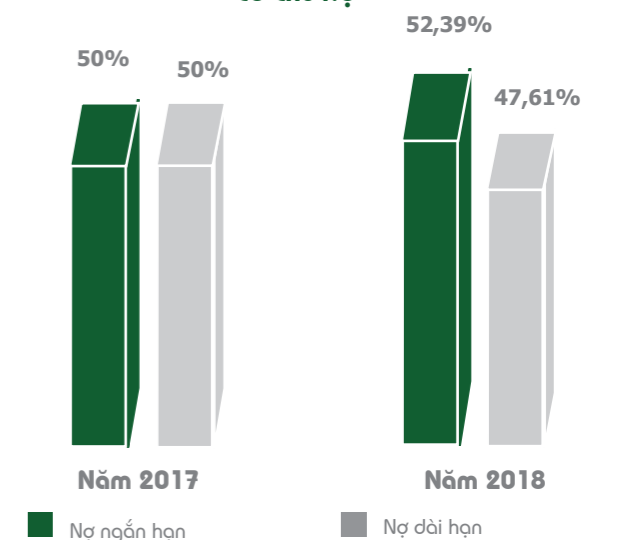
CƠ CẤU TÀI SẢN



Chỉ tiêu	2018	2017	So sánh với cùng kỳ
<b>Nợ ngắn hạn, trong đó :</b>	<b>530,04</b>	<b>615,45</b>	<b>(13,87 %)</b>
Các khoản vay và nợ ngắn hạn	181,36	218,33	(16,93%)
Vay dài hạn đến hạn trả	348,68	397,12	(12,19 %)
<b>Nợ dài hạn, trong đó</b>	<b>529,95</b>	<b>559,27</b>	<b>(5,24%)</b>
Trả dài hạn khác	169,98	167,45	1,51 %
Vay dài hạn ngân hàng	359,97	391,82	(8,12%)
<b>Tổng Nợ</b>	<b>1.059,99</b>	<b>1.174,72</b>	<b>(9,76 %)</b>
Vốn Chủ sở hữu			
Vốn đầu tư	678,59	678,59	0%
Thặng dư vốn	86,93	86,93	0%
Cổ phiếu Quỹ			
Các Quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	883,68	865,16	2,14 %
<b>Tổng Vốn Chủ sở hữu</b>	<b>1.649,20</b>	<b>1.630,68</b>	<b>1,13 %</b>
Lợi ích Cổ đông thiểu số	11,11	10,85	2,39 %
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2.720,30</b>	<b>2.816,25</b>	<b>(3,4 %)</b>

Trong năm 2018 tổng nợ giảm 9,76% so với năm 2017, Công ty có tỷ trọng nợ ngắn hạn và nợ dài hạn lần lượt là 50% và 50%. Nguyên nhân tổng nợ giảm so với năm 2017, chủ yếu là do Công ty thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn và các khoản vay đến hạn trả, do đó khoản vay và nợ thuê tài chính, phải trả người bán giảm làm nợ phải trả giảm.

CƠ CẤU NỢ





**Hoạt động kinh doanh:**

Hoạt động kinh doanh Taxi đã bị ảnh hưởng từ việc cạnh tranh khốc liệt của các công ty nước ngoài và được thể hiện thông qua các chỉ tiêu chủ yếu sau :

Các chỉ tiêu chủ yếu	2017	2018	Tăng / giảm	% Tăng /giảm
Số lượng cuộc gọi bình quân/ngày	36.313	33.854	- 2.459	-6,8%
Bình quân lượt khách qua điểm tiếp thị (có ĐH)	36.542	34.079	-2.463	-6,74%
Số lượng đặt App Bình quân ngày	4.659	12.364	+7.705	+ 165,4%

**Yếu tố chi phí:**

- Hoạt động của Công ty trong 2018 chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố sau:
- Công ty vẫn giữ giá cước kinh doanh mặc dù Giá xăng đã thay đổi 16 lần trong năm
- Tuân thủ đầy đủ các loại thuế phí theo quy định hiện hành của hoạt động taxi
- Thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động theo quy định

**Yếu tố khác:**

Việc cạnh tranh bằng giá thấp phi lý, liên tục dùng nguồn tài lực để khuyến mãi cho khách hàng, tài trợ cho chủ xe, lái xe nhằm xâm chiếm thị phần của Các Công ty Nước ngoài đã gây tác động xấu đến thị phần của Công ty.

Việc nhanh chóng triển khai ứng dụng phần mềm điều xe và quản lý hiện đại vào kinh doanh để phục vụ Khách hàng nhanh chóng, gia tăng các điểm đón khách kết hợp với số lượng xe mới, đẹp, đồng chất chiếm số lượng lớn bao phủ trên địa bàn hoạt động đã một phần giữ được khách hàng. Điều này góp phần vào việc hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra của Công ty





Căn cứ vào tình hình thực tế Công ty và bối cảnh môi trường kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đưa ra phương hướng và mục tiêu cho năm 2019 như sau:

Số lượng xe đầu tư – thanh lý

- Đầu tư thêm tối thiểu 320 chiếc trong năm 2019;
- Thanh lý 295 chiếc (nhằm đảm bảo chất lượng xe phục vụ).
- Phát triển số lượng xe hợp tác kinh doanh trong năm : 300 chiếc

Khi các yếu tố hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công ty đã ổn định, nhu cầu gia tăng, Công ty sẽ chủ động điều chỉnh tăng số xe đầu tư và thanh lý, thực hiện các mô hình và phương thức kinh doanh phù hợp để phát triển đầu xe kinh doanh cũng như mở rộng địa bàn trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Công ty ở mức cao nhất.



#### Các hoạt động triển khai trong năm 2019

- Phát triển thêm khách hàng sử dụng thẻ thanh toán online , kết hợp với các ứng dụng thanh toán khác nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh toán đa dạng của khách hàng, song song đó là việc phát triển ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt trên Vinasun App.
- Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống quản lý và điều hành xe thông qua GPS, hệ thống đặt chỗ và điều hành xe tự động thông qua ứng dụng trên smartphone (Vinasun App), hệ thống đặt chỗ qua tổng đài và điều xe qua tin nhắn. Khai thác triệt để thế mạnh của hệ thống Tổng đài , kết nối tinh năng hiện có với hệ thống phần mềm mới. Nâng khả năng tiếp nhận và xử lý của Tổng đài 38 27 27 lên 45.000 cuộc gọi/ngày.
- Tăng số lượng đặt App Vinasun bình quân lên 20.000 lượt/ngày . Phát triển hơn nữa các chức năng trên App nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng . Giữ vững và phát triển thêm các điểm tiếp thị chiến lược
- Triển khai thực hiện việc đa dạng hóa mô hình, phương thức và loại hình kinh doanh tại các địa bàn.
- Thực hiện việc cơ cấu lại số lượng, chủng loại xe tại các địa bàn kinh doanh



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám Đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT





Năm 2018, nền kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng GDP ấn tượng tăng 7,08 – mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây, Chính phủ đã ổn định được nền kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính cũng như kiểm soát được tình hình lạm phát (CPI Bình quân chỉ tăng 3,54 % so với bình quân năm 2017). Riêng tại Tp.Hồ Chí Minh, tốc độ tăng trưởng GRDP là 8,3% so với 2017. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tăng 13,2% , khách du lịch quốc tế tăng 17,3%.

Những nhân tố vĩ mô thuận lợi trên là tiền đề hỗ trợ cho ngành dịch vụ vận tải phát triển tại Tp.Hồ Chí Minh. Tuy nhiên hoạt động kinh doanh của ngành taxi nói chung và của Công ty vẫn tiếp tục gặp khó khăn. Nguyên nhân chủ yếu do việc tham gia bất hợp pháp vào thị trường Taxi của các công ty nước ngoài. Các Công ty này đã tận dụng kẽ hở của các quy định hiện hành để kinh doanh taxi với số lượng không hạn chế , tận dụng sức mạnh tài chính để định giá cước thấp phi lý, bù lỗ, hỗ trợ cho chủ xe và lái xe, chấp nhận lỗ để tiêu diệt ngành taxi chính thống nhằm mục tiêu khống chế thị phần này và tiến tới độc quyền kinh doanh trong tương lai khi các công ty taxi chính thống bị phá sản .

Nhận định trước tính chất nghiêm trọng này khi đề án 24 vẫn được tiếp tục thí điểm, nghị định 86 sửa đổi chưa được ban hành, năm 2018 một mặt Công ty phải nỗ lực tối đa trong việc bảo vệ thị phần của mình, mặt khác phải kiên quyết trong việc đảm bảo sự công bằng trong các điều kiện kinh doanh vận tải taxi cũng như ngăn chặn các hành vi cạnh tranh bất bình đẳng mà theo những quy định hiện hành thì công ty phải tuân thủ .

Công ty xác định mục tiêu hoạt động là phải trụ vững trong một môi trường kinh doanh không bình đẳng khi mà các đối thủ là các công ty đa quốc gia, tiềm lực tài chính mạnh, được hưởng nhiều ưu đãi về chính sách. Theo đó, Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty đã chủ động đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp, đẩy mạnh việc củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy điều hành; thường xuyên theo dõi, đánh giá và đưa ra các quyết định phù hợp với diễn biến của thị trường và nhu cầu của khách hàng.

Công ty đã liên tục cải tiến và nâng cấp Vinasun App và hệ thống tổng đài thông minh nhằm nâng cao năng lực phục vụ khách hàng, thực hiện nhiều chương trình khuyến mãi nhằm khuyến khích khách hàng sử dụng Vinasun App, nâng cao chất lượng phục vụ của lái xe, điều chỉnh giá cước linh hoạt, thay đổi mô hình kinh doanh nhằm giữ chân lái xe và thu hút lại lái xe nghỉ việc, ... điều chỉnh và phân bổ lại số lượng xe tại các địa bàn kinh doanh và củng cố chất lượng xe kinh doanh. Bên cạnh đó, công ty cũng thường xuyên mở rộng, khai thác hiệu quả các kênh phục vụ khách hàng như hệ thống điểm tiếp thị trực tiếp và gián tiếp, nâng cao chất lượng chăm sóc và phát triển khách hàng thân thiết qua hệ thống thanh toán online .







Với những kết quả đạt được trong năm qua, Ban Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực phối hợp thực hiện chặt chẽ, hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty được thực hiện một cách tốt nhất, đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông theo kế hoạch đề ra. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc.

Ban Giám đốc Công ty đã thường xuyên, liên tục kiểm tra các hoạt động về công tác tài chính, kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị trực thuộc. Đồng thời, xây dựng các kế hoạch kinh doanh, kiểm soát các chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Luôn kiểm tra về chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đồng thời đánh giá năng suất lao động nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, kiểm tra năng suất và kết quả kinh doanh. Luôn thực hiện tốt các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.





Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục tập trung triển khai chiến lược phát triển Vinasun và phương án tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2016 - 2020. Thực hiện những công tác cải tiến về công nghệ và dịch vụ khách hàng, nhằm giữ vững thị phần và duy trì sự ổn định. Nâng cấp hệ thống kết nối và quản lý taxi hiện đại để phát triển mô hình kinh doanh mới và phát triển địa bàn. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật triển khai hệ thống quản lý điều hành taxi Vinasun.
- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro trong hoạt động kinh doanh, tái cấu trúc nguồn vốn, tài chính, hoạt động đầu tư, dòng tiền để có thể đảm bảo an toàn tài chính và tối ưu nguồn thu Công ty.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động thi đua, khen thưởng để nâng cao năng suất làm việc của cán bộ nhân viên trong Công ty.
- Tăng cường các hoạt động về đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ cũng như đạo đức nghề nghiệp cho nhân viên của Công ty.
- Luôn giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành. Từ đó, kịp thời chỉ đạo các mặt hoạt động của Ban điều hành.
- Thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội, vì cộng đồng, xây dựng hình ảnh văn hóa Vinasun chuyên nghiệp, hiện đại, kể vai sát cánh và hướng đến cộng đồng.
- Giữ vững và mở rộng quan hệ với các Ngân hàng và các tổ chức tài chính khác để có thể thu hút được nguồn vốn đầu tư với lãi suất thấp.



Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019

**Trong lĩnh vực kinh doanh**

- Tiếp tục dẫn đầu về thị phần tại các địa bàn kinh doanh. Phấn đấu đứng đầu ngành về doanh thu bình quân/ xe/ ca.
- Phủ đều xe trên toàn bộ tuyến đường tại các địa bàn kinh doanh, đáp ứng nhanh chóng nhất nhu cầu của khách hàng.
- Đảm bảo chất lượng đồng đều của các xe kinh doanh. Nâng cao chất lượng và các tiện ích trên xe. Tăng số lượng các điểm tiếp thị và khách hàng cố định.
- Đa dạng hóa các kênh giao tiếp với khách hàng, tạo sự thuận lợi cho khách hàng khi đặt xe: qua ứng dụng trên smartphone, qua Tổng đài, tin nhắn, website v.v....
- Đảm bảo nâng cấp chất lượng phục vụ khách hàng với tiêu chuẩn cao nhất ở tất cả các giai đoạn trước, trong và sau dịch vụ.

**Hoạt động tiếp thị và quảng bá thương hiệu**

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động quảng bá thương hiệu.
- Tạo nhiều kênh liên lạc để tiếp cận, phục vụ và chăm sóc khách hàng.
- Thực hiện các chương trình khuyến mãi.
- Đảm bảo thực hiện việc công bố thông tin theo Luật nhằm đảm bảo cho các cổ đông thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động và phát triển của Công ty.
- Nâng cấp và phát triển hơn nữa website: [www.vinasuncorp.com](http://www.vinasuncorp.com), trang facebook của Vinasun. Hoạt động khác: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang bị hạ tầng và thiết bị công nghệ cao cho phù hợp với định hướng và sự phát triển của Công ty. Nâng cấp và phát triển hơn nữa hệ thống phần mềm kết nối và điều hành xe, hệ thống thanh toán và khuyến mãi tự động nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và chăm sóc khách hàng tốt hơn nữa.

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát



### Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1 Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị	9	100%
2 Ông Trần Văn Bắc	Thành viên HĐQT	9	100%
3 Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên HĐQT	9	100%
4 Bà Đặng Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT	9	100%
5 Ông Trương Đình Quý	Thành viên HĐQT	9	100%
6 Ông Trần Anh Minh	Thành viên HĐQT	9	100%
7 Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT	9	100%

### Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Các nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2018

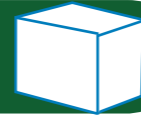
STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
01	01A/QĐ_HĐQT.18	02/01/2018	Thành lập Chi Nhánh Công ty CP Ánh Dương Việt Nam tại Đắk Lắk
02	01/QĐ_HĐQT.18	02/01/2018	Thành lập Chi Nhánh Công ty CP Ánh Dương Việt Nam tại Tây Ninh



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
03	02/QĐ_HĐQT.18	27/02/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc thực hiện giao dịch tín dụng và thông qua các hợp đồng có liên quan của khoản vay 200.000.000.000 đồng giữa Công ty và ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam</li> <li>Thông qua việc thực hiện giao dịch tín dụng và thông qua các hợp đồng có liên của khoản vay 200.000.000.000 đồng giữa Công ty CP Ánh Dương Xanh Việt Nam (bên được bảo lãnh) và ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam.</li> <li>Thông qua việc cung cấp bảo lãnh của Công ty (bên bảo lãnh) cho khoản 200.000.000.000 đồng của Công ty CP Ánh Dương Xanh Việt Nam tại ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam + Tổng dư nợ không vượt quá 200.000.000.000 đồng với mục đích để mua xe kinh doanh taxi và xe du lịch phục vụ cho hoạt động dịch vụ du lịch với tỷ lệ tài trợ đến 70% chi phí mua xe mới kinh doanh dịch vụ taxi + Thẻ chấp mua mới thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Ánh Dương VN cho ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam</li> <li>+Ủy quyền cho bà Đặng Thị Lan Phương - TGD tiến hành ký kết các hợp đồng có liên quan với ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam</li> <li>Cho phép bà Đặng Thị Lan Phương ủy quyền cho ông Trần Anh Minh - PTGD thực hiện các công việc trên</li> </ul>

Tiến hành triệu tập Đại hội cổ đông thường niên 2018 như sau :

04	03/QĐ_HĐQT.18	09/03/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Về ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức đại hội 30/03/2018, thời gian thực hiện 27/04/2018;</li> <li>Về nội dung Đại hội cổ đông 2018: Báo cáo của HĐQT, báo cáo kết quả kinh doanh 2017, phương án kế hoạch kinh doanh 2018, báo cáo kết quả kiểm toán 2017, báo cáo của Ban Kiểm soát, bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2017-2022, tờ trình phân phối lợi nhuận, lựa chọn công ty kiểm toán 2018, các vấn đề khác..</li> </ul>
----	---------------	------------	---



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
05	04/QĐ_HĐQT.18	18/05/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thành lập Chi Nhánh Công ty CP Ánh Dương Việt Nam tại Quảng Ninh</li> </ul> <p>Thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Việc thực hiện giao dịch tín dụng và thông qua các hợp đồng có liên quan giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 10 TP.HCM với số tiền tối đa 189.000.000.000 đồng trong đó: + số tiền vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh, số tiền 20.000.000.000 đồng; + Số tiền vay vốn trung hạn để mua xe ô tô kinh doanh taxi, số tiền 169.000.000.000 đồng;</li> <li>Hội đồng quản trị thống nhất giao cho bà Đặng Thị Lan Phương - TGD hoặc ủy quyền cho người thứ 3 đại diện cho Công ty ký kết các hợp đồng liên quan giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 10 TP.HCM.</li> </ul>
06	05/QĐ_HĐQT.18	18/05/2018	<p>Thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thuê tài chính các tài sản đầu tư để kinh doanh vận tải Taxi và thông qua các hợp đồng có liên quan giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing) với số tiền tối đa là 30.625.500.000 đồng để đầu tư 68 xe ô tô Innova E và Vios E, chất lượng 100% mới phục vụ cho hoạt động kinh doanh;</li> <li>Hội đồng quản trị thống nhất giao cho bà Đặng Thị Lan Phương - TGD hoặc ủy quyền cho người thứ 3 đại diện cho Công ty ký kết các hợp đồng liên quan giữa Công ty với ACB Leasing</li> </ul>
07	06/QĐ_HĐQT.18	29/06/2018	<p>Thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thuê tài chính các tài sản đầu tư để kinh doanh vận tải Taxi và thông qua các hợp đồng có liên quan giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing) với số tiền tối đa là 30.625.500.000 đồng để đầu tư 68 xe ô tô Innova E và Vios E, chất lượng 100% mới phục vụ cho hoạt động kinh doanh;</li> <li>Hội đồng quản trị thống nhất giao cho bà Đặng Thị Lan Phương - TGD hoặc ủy quyền cho người thứ 3 đại diện cho Công ty ký kết các hợp đồng liên quan giữa Công ty với ACB Leasing</li> </ul>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
08	07/QĐ_HĐQT.18	10/09/2018	<p>Thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Việc thực hiện giao dịch tín dụng và thông qua các hợp đồng có liên quan của khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hùng Vương với số tiền tối đa 80.000.000.000 đồng nhằm mục đích vay mua xe kinh doanh dịch vụ taxi</li> <li>Thế chấp xe mua mới thuộc quyền sở hữu của Công ty cho Vietcombank Chi Nhánh Hùng Vương</li> <li>Ủy quyền cho Bà Đặng Thị Lan Phương - TGD thay mặt hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục văn thiết, ký kết các hợp đồng vay, bảo lãnh và ký kết hợp đồng thế chấp tại phòng công chứng (nếu có) với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hùng Vương</li> <li>Cho phép bà Đặng Thị Lan Phương có thể ủy quyền cho Ông Trần Anh Minh - PTGD thực hiện các công việc trên</li> </ul>
09	08/QĐ_HĐQT.18	05/12/2018	<p>Thông qua việc thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2017 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tỷ lệ thực hiện: 8% trên mệnh giá (01 cổ phiếu nhận 800 đồng), ngày đăng ký cuối cùng : 19/12/2018, ngày thực hiện: 28/12/2018</li> <li>Địa điểm thực hiện: Đối với chứng khoán lưu ký: làm thủ tục nhận cổ tức tại Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản lưu ký; đối với chứng khoán chưa lưu ký : nhận tại công ty cổ phần ánh dương việt nam 648 Nguyễn Trãi, P.11, Q.5</li> </ul>



## Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm Soát

Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1 Bà Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng ban	3	100%	100%
2 Bà Đỗ Thị Thám Hoa	Thành viên	3	100%	100%
3 Ông Phạm Trần Thanh	Thành viên	2	100%	100%

## Hoạt động giám sát của Ban Kiểm Soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng Quản trị. Giám sát việc thực hiện Điều lệ công ty, chỉ đạo và triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và 2018, các hoạt động của Hội đồng Quản trị. Trên cơ sở nắm vững tình hình hoạt động kinh doanh và kiến nghị những vấn đề có liên quan. Xem xét việc quản trị, điều hành kinh doanh của Ban Tổng Giám Đốc, các báo cáo tài chính trong năm 2018.



## Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các thông tin và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Báo cáo kết quả kinh doanh, các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty. Thành viên Ban kiểm soát tham dự các phiên họp của Hội đồng Quản trị, trên cơ sở đó kịp thời theo sát hoạt động của công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát duy trì sự độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình.





## Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích

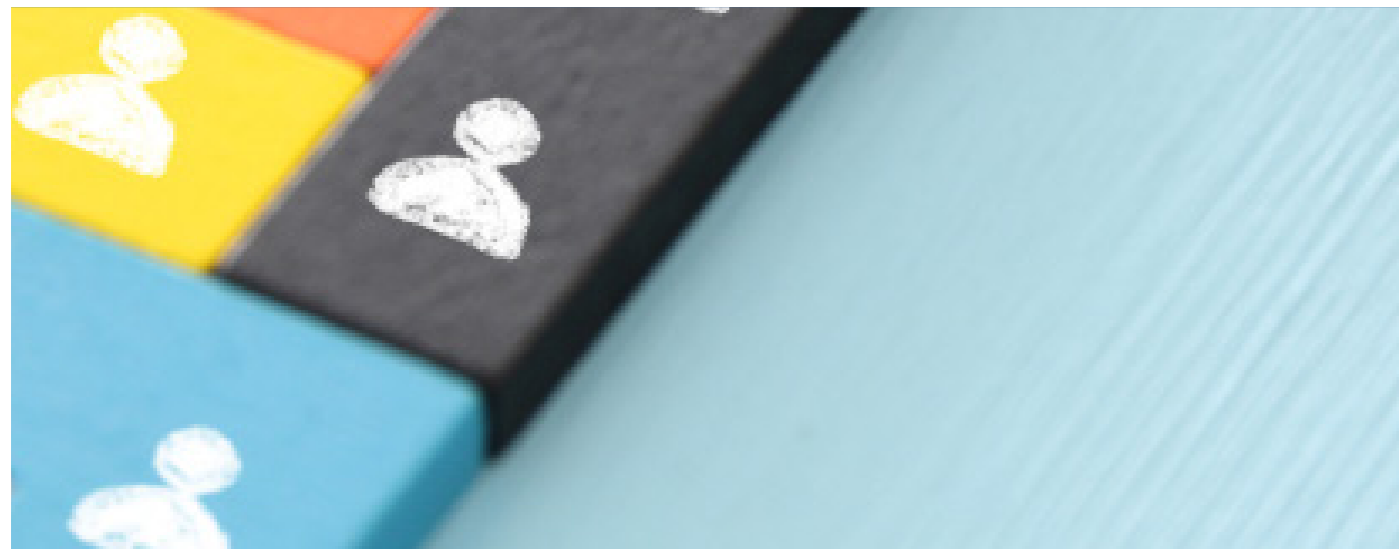
Tổng số tiền thù lao của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát là : 1.375.980.089 đồng

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Tên cổ đông lớn	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch (mua)	Giao dịch (Bán)	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
GOVERNMENT OF SINGAPORE	Cổ đông lớn	5.400.000		5.400.000	5.400.000	0	25/05/2018
Công ty CP Chứng Khoán TP.HCM	Cổ đông lớn		7.200.008		7.200.008	7.200.008	6/04/2018
NGUYỄN KIM PHƯỢNG	Cổ đông lớn	3.342.461	54.460		54.460	3.396.921	11/10/2018
Từ Tuyết Anh	Vợ Đặng Thành Duy	-	524.000	3.510	520.490	520.490	26/10/2018

### Việc thực hiện quy định về quản trị Công ty:

Việc quản trị công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật và các thông lệ tốt mà Công ty cho rằng phù hợp với tình hình thực tiễn của mình.





## BÁO CÁO TÀI CHÍNH



## Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

### THÔNG TIN CHUNG

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã VNS theo Quyết định số 81/2008/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện hành của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch
Ông Trần Văn Bắc	Thành viên
Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên
Bà Đặng Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Trương Đình Quý	Thành viên
Ông Trần Anh Minh	Thành viên
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên

#### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng ban	
Ông Phạm Trần Thanh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Huỳnh Văn Tương	Thành viên	từ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Đỗ Thị Thám Hoa	Thành viên	

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Long Hỷ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thành Duy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Đăng Thư	Phó Tổng Giám đốc

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Đặng Thị Lan Phương.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

## Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

#### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61059820/20265168-HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Quang Minh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 0426-2018-004-1



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>319.313.116.300</b>	<b>316.976.034.833</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>167.753.672.919</b>	<b>152.133.892.668</b>
111	1. Tiền		53.753.672.919	62.133.892.668
112	2. Các khoản tương đương tiền		114.000.000.000	90.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>110.845.227.126</b>	<b>117.555.897.429</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	94.449.664.681	98.793.321.749
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.721.372.740	1.788.732.077
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	18.035.079.379	20.227.342.890
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6	(3.360.889.674)	(3.253.499.287)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>19.406.419.454</b>	<b>17.591.594.668</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	19.406.419.454	17.591.594.668
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>21.307.796.801</b>	<b>29.694.650.068</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	20.114.440.775	24.559.568.092
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		841.961.533	4.945.638.862
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	351.394.493	189.443.114
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.400.991.772.917</b>	<b>2.499.274.599.162</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.201.560.200</b>	<b>1.516.900.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	3.201.560.200	1.516.900.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.336.380.844.483</b>	<b>2.427.769.075.821</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.205.204.867.789	2.310.608.825.936
222	Nguyên giá		3.735.177.647.718	3.751.252.691.811
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.529.972.779.929)	(1.440.643.865.875)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	9	130.900.021.903	116.871.946.795
225	Nguyên giá		200.397.272.737	164.200.909.081
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(69.497.250.834)	(47.328.962.286)
227	3. Tài sản cố định vô hình		275.954.791	288.303.090
228	Nguyên giá		1.866.221.000	1.666.221.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.590.266.209)	(1.377.917.910)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>100.000.000</b>	<b>788.406.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		100.000.000	788.406.000
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>60.309.368.234</b>	<b>68.200.217.341</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	59.027.818.572	66.829.820.529
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	25.3	1.281.549.662	1.370.396.812
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.720.304.889.217</b>	<b>2.816.250.633.995</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.059.993.775.097</b>	<b>1.174.716.640.774</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>530.040.440.483</b>	<b>615.449.025.966</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	26.625.883.835	59.523.659.729
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.052.420.356	4.360.726.188
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	28.630.160.251	32.731.217.463
314	4. Phải trả người lao động		30.337.591.524	28.236.607.677
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	12.908.846.375	27.220.259.106
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.585.928.032	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	78.652.137.609	65.484.210.948
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	348.679.568.283	397.115.328.865
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		567.904.218	777.015.990
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>529.953.334.614</b>	<b>559.267.614.808</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	1.146.459.321
337	2. Phải trả dài hạn khác	15	169.980.674.048	166.304.783.865
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	359.972.660.566	391.816.371.622
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.660.311.114.120</b>	<b>1.641.533.993.221</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.660.311.114.120</b>	<b>1.641.533.993.221</b>
411	1. Vốn cổ phần	17.1	678.591.920.000	678.591.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		678.591.920.000	678.591.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	17.1	86.929.263.110	86.929.263.110
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển	17.1	270.863.162.669	270.076.778.353
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.1	612.812.238.718	595.088.101.599
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		595.088.101.599	514.269.314.084
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		17.724.137.119	80.818.787.515
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	18	11.114.529.623	10.847.930.159
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.720.304.889.217</b>	<b>2.816.250.633.995</b>

Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập

Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng

Đặng Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	19.1	2.073.348.684.153	2.937.066.985.950
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	20, 24	(1.658.850.602.885)	(2.455.758.319.911)
20	3. Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ		414.498.081.268	481.308.666.039
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	3.940.063.422	3.609.695.043
22	5. Chi phí tài chính	21	(56.837.516.593)	(73.630.792.247)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(56.837.516.593)	(73.630.153.764)
25	6. Chi phí bán hàng	22, 24	(212.226.404.642)	(213.537.332.386)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22, 24	(139.349.271.154)	(161.467.163.539)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.024.952.301	36.283.072.910
31	9. Thu nhập khác	23	105.577.089.898	209.840.698.226
32	10. Chi phí khác	23	(350.289.301)	(1.141.439.188)
40	11. Lợi nhuận khác	23	105.226.800.597	208.699.259.038
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		115.251.752.898	244.982.331.948
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(26.079.612.760)	(52.538.114.769)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.3	(88.847.150)	(948.174.590)
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		89.083.292.988	191.496.042.589
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		87.858.056.658	189.179.989.205
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.225.236.330	2.316.053.384
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.279	2.763
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	1.279	2.763

Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập

Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng

Đặng Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		115.251.752.898	244.982.331.948
02	Điều chỉnh cho các khoản:			
03	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	8, 9	477.636.981.362	524.023.647.464
05	Trích lập các khoản dự phòng		(336.845.368)	(4.447.167.516)
06	Lãi từ hoạt động đầu tư		(52.442.620.377)	(171.788.038.540)
06	Chi phí lãi vay	21	56.837.516.593	73.630.153.764
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		596.946.785.108	666.400.927.120
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		9.472.845.666	(221.210.525)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.814.824.786)	(5.093.621.063)
11	Giảm các khoản phải trả		(43.845.431.667)	(30.797.818.177)
12	Giảm chi phí trả trước		12.247.129.274	12.443.699.770
14	Tiền lãi vay đã trả		(57.419.486.488)	(74.547.239.697)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(29.032.198.810)	(61.221.262.662)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.656.091.861)	(46.555.990.536)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		483.898.726.436	460.407.484.230
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(491.029.126.337)	(219.842.041.608)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		153.363.409.054	243.101.818.138
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(1.000.000.000)
27	Lãi tiền gửi nhận được		3.935.493.636	3.609.609.977
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(333.730.223.647)	25.869.386.507
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		356.714.700.000	123.501.300.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(402.409.598.112)	(446.731.228.730)
35	Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		(34.584.573.526)	(59.406.609.984)
36	Cổ tức đã trả	17.2	(54.269.250.900)	(116.106.049.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(134.548.722.538)	(498.742.588.014)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		15.619.780.251	(12.465.717.277)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		152.133.892.668	164.599.609.945
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	167.753.672.919	152.133.892.668

  
Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập

  
Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng

  
Đặng Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/2008/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 6.761 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 7.117).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có một công ty con, chi tiết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số đầu năm và số cuối năm	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	90%	90%	

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán phụ tùng ô tô với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn của hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.

**3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*  
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.
- ▶ *Khen thưởng, phúc lợi*  
Khen thưởng, phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Doanh thu nhượng quyền thương mại và khai thác taxi*

Doanh thu được ghi nhận dựa trên mức phí cố định hằng ngày trong suốt thời gian hợp đồng.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.17 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Nhóm Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng. Các hoạt động kinh doanh này của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, doanh thu của Nhóm Công ty chủ yếu là từ dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	24.159.421.987	44.375.803.258
Tiền gửi ngân hàng	29.591.222.172	17.038.567.538
Tiền đang chuyển	3.028.760	719.521.872
Các khoản tương đương tiền (*)	114.000.000.000	90.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>167.753.672.919</b>	<b>152.133.892.668</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,3%/năm đến 5,4%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	81.931.012.949	77.001.155.232
Phải thu tài xế taxi về tiền thu khách vắng lái	2.779.457.900	4.268.202.194
Phải thu tài xế liên quan đến nhượng quyền thương mại và khai thác taxi	2.698.320.000	5.205.497.040
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	612.500.000	5.500.000.000
Khác	6.428.373.832	6.818.467.283
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>94.449.664.681</b>	<b>98.793.321.749</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.199.917.910)	(1.092.527.523)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>93.249.746.771</b>	<b>97.700.794.226</b>

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.092.527.523	1.025.635.606
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	136.696.972	66.891.917
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(29.306.585)	-
Số cuối năm	1.199.917.910	1.092.527.523

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>18.035.079.379</b>	<b>20.227.342.890</b>
Tạm ứng cho nhân viên	5.440.300.266	5.961.504.642
Phải thu hộ liên quan đến bán vé máy bay	3.412.003.042	2.513.965.923
Phải thu khác từ tài xế và nhân viên	2.671.415.113	6.257.836.277
Ký quỹ, ký cược	2.499.262.000	2.587.403.700
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phải thu tài xế và nhân viên	388.614.441	316.127.498
Khác	3.623.484.517	2.590.504.850
<b>Dài hạn</b>	<b>3.201.560.200</b>	<b>1.516.900.000</b>
Ký quỹ, ký cược	3.201.560.200	1.516.900.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.236.639.579</b>	<b>21.744.242.890</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.160.971.764)	(2.160.971.764)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>19.075.667.815</b>	<b>19.583.271.126</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

Số dư hàng tồn kho thể hiện giá trị phụ tùng chưa xuất dùng vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	8.035.792.448	3.741.224.985.844	1.991.913.519	3.751.252.691.811
Mua mới trong năm	-	448.853.345.121	1.467.823.560	450.321.168.681
Thanh lý	-	(466.396.212.774)	-	(466.396.212.774)
Số cuối năm	8.035.792.448	3.723.682.118.191	3.459.737.079	3.735.177.647.718
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết	4.433.717.164	28.332.217.812	749.018.719	33.514.953.695
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	4.736.372.320	1.434.898.246.438	1.009.247.117	1.440.643.865.875
Khấu hao trong năm	2.021.567.015	452.489.959.039	744.818.461	455.256.344.515
Thanh lý	-	(365.927.430.461)	-	(365.927.430.461)
Số cuối năm	6.757.939.335	1.521.460.775.016	1.754.065.578	1.529.972.779.929
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	3.299.420.128	2.306.326.739.406	982.666.402	2.310.608.825.936
Số cuối năm	1.277.853.113	2.202.221.343.175	1.705.671.501	2.205.204.867.789
<b>Trong đó:</b>				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 16)	-	1.501.751.103.115	-	1.501.751.103.115

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	VND
	Phương tiện vận tải
<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm	164.200.909.081
Thuê mới trong năm	36.196.363.656
Số cuối năm	200.397.272.737
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Số đầu năm	47.328.962.286
Khấu hao trong năm	22.168.288.548
Số cuối năm	69.497.250.834
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	116.871.946.795
Số cuối năm	130.900.021.903

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.114.440.775</b>	<b>24.559.568.092</b>
Bảo hiểm vật chất xe	13.848.788.157	15.199.559.349
Phí bảo trì đường bộ	3.217.460.167	4.103.645.100
Khác	3.048.192.451	5.256.363.643
<b>Dài hạn</b>	<b>59.027.818.572</b>	<b>66.829.820.529</b>
Tiền thuê văn phòng trả trước	51.143.890.624	52.455.272.440
Công cụ, dụng cụ	3.570.871.996	11.496.521.282
Khác	4.313.055.952	2.878.026.807
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>79.142.259.347</b>	<b>91.389.388.621</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	-	32.117.800.000
Khác	26.625.883.835	27.405.859.729
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.625.883.835</b>	<b>59.523.659.729</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	189.443.114	351.394.493	(189.443.114)	351.394.493
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	13.795.506.473	124.518.391.941	(123.895.045.072)	14.418.853.342
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.106.090.509	26.079.612.760	(29.032.198.810)	12.153.504.459
Thuế thu nhập cá nhân	3.829.620.481	4.530.173.595	(6.301.991.626)	2.057.802.450
Thuế khác	-	35.040.637	(35.040.637)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.731.217.463</b>	<b>155.163.218.933</b>	<b>(159.264.276.145)</b>	<b>28.630.160.251</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng thứ 13 và thưởng	12.805.285.322	27.220.259.106
Khác	103.561.053	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.908.846.375</b>	<b>27.220.259.106</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	68.460.089.800	54.870.148.700
Chi phí lãi vay	3.054.107.227	3.636.077.122
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	2.030.632.764	3.190.752.675
Bảo hiểm vật chất xe	887.956.372	273.786.501
Khác	4.219.351.446	3.513.445.950
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.652.137.609</b>	<b>65.484.210.948</b>

**15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	110.576.235.857	109.928.929.028
Nhận ký quỹ từ khách hàng	51.496.689.883	48.023.870.774
Dự phòng trợ cấp thôi việc	6.407.748.308	6.851.984.063
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>169.980.674.048</b>	<b>166.304.783.865</b>

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Vay dài hạn đến hạn trả từ ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	323.994.146.491	365.064.224.089
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16.2)	24.685.421.792	32.051.104.776
	<u>348.679.568.283</u>	<u>397.115.328.865</u>
<b>Dài hạn</b>		
Vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	336.996.956.258	369.989.776.772
Nợ thuế tài chính dài hạn (Thuyết minh số 16.2)	22.975.704.308	21.826.594.850
	<u>359.972.660.566</u>	<u>391.816.371.622</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>708.652.228.849</b>	<b>788.931.700.487</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**16.1 Vay dài hạn từ các ngân hàng**

Nhóm Công ty đã vay các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại để mua phương tiện vận tải phục vụ cho việc kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi. Chi tiết các khoản vay dài hạn này được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam</b>				
- Khoản vay số 1	257.017.824.537	từ ngày 17 tháng 1 năm 2019 đến ngày 20 tháng 3 năm 2022	Lãi suất cơ bản + biên độ từ 1,5% đến 2%	1.162 xe
- Khoản vay số 2	86.896.808.478	từ ngày 16 tháng 1 năm 2019 đến ngày 13 tháng 7 năm 2022	Lãi suất cơ sở + biên độ từ 1,5% đến 2%	260 xe
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam</b>				
- Khoản vay số 1	99.419.565.000	từ ngày 10 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 8 năm 2022	Lãi suất cơ bản + biên độ tối thiểu từ 2%	1.050 xe
- Khoản vay số 2	1.687.000.000	từ ngày 25 tháng 1 năm 2019 đến ngày 13 tháng 5 năm 2019	9%	40 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	73.353.600.958	từ ngày 24 tháng 1 năm 2019 đến ngày 22 tháng 9 năm 2020	Lãi suất cơ bản + biên độ từ -0,6% đến -1%	483 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	67.888.853.109	từ ngày 17 tháng 1 năm 2019 đến ngày 5 tháng 3 năm 2022	Lãi suất cơ bản + biên độ từ 1,5%	215 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	61.669.541.667	từ ngày 5 tháng 1 năm 2019 đến ngày 24 tháng 9 năm 2022	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 2%	173 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	13.057.909.000	từ ngày 25 tháng 1 năm 2019 đến ngày 11 tháng 12 năm 2022	Lãi suất tiền gửi + biên độ từ 2%	38 xe
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>660.991.102.749</b>			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	323.994.146.491			
Vay dài hạn	336.996.956.258			

**Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**16.2 Nợ thuế tài chính**

Nhóm Công ty hiện đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính
Dưới 1 năm	27.593.670.928	2.908.249.136	35.375.531.788	3.324.427.012
Từ 1 - 5 năm	25.293.675.862	2.317.971.554	22.902.171.239	1.075.576.389
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>52.887.346.790</b>	<b>5.226.220.690</b>	<b>58.277.703.027</b>	<b>4.400.003.401</b>

**16.3 Tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuế tài chính**

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuế tài chính trong năm như sau:

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Tăng trong năm	Đã trả trong năm	Tăng trong năm	Đã trả trong năm
Vay ngân hàng	735.054.000.861	328.346.700.000	402.409.598.112	660.991.102.749
Nợ thuế tài chính	53.877.699.626	28.368.000.000	34.584.573.526	47.661.126.100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>788.931.700.487</b>	<b>356.714.700.000</b>	<b>436.994.171.638</b>	<b>708.652.228.849</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.412.386.757	514.269.314.084	1.548.202.883.951
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	189.179.989.205	189.179.989.205
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.664.391.596	(1.664.391.596)	-
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(3.252.022.094)	(3.252.022.094)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(101.788.788.000)	(101.788.788.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.656.000.000)	(1.656.000.000)
Số cuối năm	678.591.920.000	86.929.263.110	270.076.778.353	595.088.101.599	1.630.686.063.062
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	270.076.778.353	595.088.101.599	1.630.686.063.062
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	87.858.056.658	87.858.056.658
Phân phối lợi nhuận	-	-	786.384.316	(786.384.316)	-
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.375.980.089)	(1.375.980.089)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(67.859.192.000)	(67.859.192.000)
Giảm khác	-	-	-	(112.363.134)	(112.363.134)
Số cuối năm	678.591.920.000	86.929.263.110	270.863.162.669	612.812.238.718	1.649.196.584.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	678.591.920.000	678.591.920.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã tạm trích/công bố	67.859.192.000	101.788.788.000
Cổ tức đã trả	54.269.250.900	116.106.049.300

**17.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	67.859.192

**18. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	VND Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn điều lệ đã góp	4.000.000.000	4.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.114.529.623	6.847.930.159
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.114.529.623</b>	<b>10.847.930.159</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

	VND Năm nay
Số đầu năm	10.847.930.159
Lợi nhuận thuần trong năm	1.225.236.330
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	(19.640.361)
Khác	(938.996.505)
Số cuối năm	11.114.529.623

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	1.777.163.631.455	2.633.542.335.007
Doanh thu từ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	271.623.290.503	278.581.572.459
Khác	24.561.762.195	24.943.078.484
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.073.348.684.153</b>	<b>2.937.066.985.950</b>

(\*) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi bao gồm doanh thu từ các phương thức: dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi, nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.935.493.636	3.609.609.977
Khác	4.569.786	85066
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.940.063.422</b>	<b>3.609.695.043</b>

**20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	1.418.969.552.923	2.206.229.882.878
Giá vốn dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	217.393.953.817	226.542.819.386
Khác	22.487.096.145	22.985.617.647
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.658.850.602.885</b>	<b>2.455.758.319.911</b>

(\*) Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi bao gồm giá vốn từ vận tải hành khách bằng taxi, nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	56.837.516.593	73.630.153.764
Khác	-	638.483
<b>TOTAL</b>	<b>56.837.516.593</b>	<b>73.630.792.247</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>212.226.404.642</b>	<b>213.537.332.386</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.151.430.502	109.134.581.414
Chi phí nhân viên	79.872.314.445	88.963.405.927
Khác	9.202.659.695	15.439.345.045
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>139.349.271.154</b>	<b>161.467.163.539</b>
Chi phí nhân viên	85.813.748.190	104.128.558.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.240.021.963	40.074.471.462
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.587.672.283	3.941.890.360
Khác	11.707.828.718	13.322.243.032
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>351.575.675.796</b>	<b>375.004.495.925</b>

**23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>105.577.089.898</b>	<b>209.840.698.226</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	48.507.126.741	168.178.428.563
Thu nhập từ quảng cáo trên taxi	44.508.773.547	39.003.673.036
Khác	12.561.189.610	2.658.596.627
<b>Chi phí khác</b>	<b>(350.289.301)</b>	<b>(1.141.439.188)</b>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>105.226.800.597</b>	<b>208.699.259.038</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	856.430.177.220	1.386.879.891.534
Chi phí khấu hao và hao mòn	477.636.981.362	524.023.647.464
Chi phí phụ tùng và nhiên liệu	379.351.098.640	632.634.407.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	237.042.594.712	219.960.216.900
Khác	59.965.426.747	67.264.652.060
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.010.426.278.681</u></b>	<b><u>2.830.762.815.836</u></b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.079.612.760	52.538.114.769
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	88.847.150	948.174.590
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.168.459.910</u></b>	<b><u>53.486.289.359</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>115.251.752.898</u></b>	<b><u>244.982.331.948</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	23.050.350.580	48.996.466.390
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	3.118.109.330	4.488.339.514
Khác	-	1.483.455
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>26.168.459.910</u></b>	<b><u>53.486.289.359</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**25.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>hợp nhất</i>		<i>kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thời việc	1.281.549.662	1.370.396.812	(88.847.150)	(948.174.590)

**26. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>5.128.954.000</u>	<u>5.294.304.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	86.787.056.658	187.523.989.205
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>86.787.056.658</b>	<b>187.523.989.205</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	67.859.192	67.859.192
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
<i>Lãi cơ bản và lãi suy giảm</i>	1.279	2.763

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm nào vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê một số văn phòng và xưởng sửa chữa xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Năm nay	Năm trước	VND
Dưới 1 năm	10.329.505.038	8.334.370.068	
Từ 1 đến 5 năm	23.525.995.269	10.685.807.172	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.855.500.307</b>	<b>19.020.177.240</b>	

**29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

  
 Thái Thị Mộng Tuyền  
 Người lập

  
 Đặng Hoàng Sang  
 Kế toán trưởng

  
 Đặng Thị Lan Phương  
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

TP.HCM, ngày 16 tháng 4 năm 2019

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

  
 TÔNG GIÁM ĐỐC  
 Đặng Thị Lan Phương